

CÔNG TÁC TƯ PHÁP 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2026 ĐẠT NHIỀU KẾT QUẢ TÍCH CỰC, GÓP PHẦN THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Trong 9 tháng đầu năm 2026, ngành Tư pháp tỉnh Điện Biên đã chủ động triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm theo chương trình, kế hoạch đã đề ra. Công tác tư pháp trên địa bàn tỉnh đạt nhiều kết quả nổi bật trên các lĩnh vực, góp phần quan trọng vào việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Trong công tác xây dựng, thẩm định và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (QPPL), Sở Tư pháp đã thẩm định 115 dự thảo văn bản QPPL (gồm 45 Nghị quyết và 70 Quyết định); tham gia ý kiến đối với 828 dự thảo văn bản các loại. Tính từ đầu năm đến ngày 10/9/2026, HĐND, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh Điện Biên đã ban hành 97 văn bản QPPL. Bên cạnh đó, công tác kiểm tra, rà soát hệ thống văn bản QPPL được tiến hành chặt chẽ: Sở đã tự kiểm tra 81 văn bản QPPL do UBND và Chủ tịch UBND tỉnh ban hành; kiểm tra theo thẩm quyền 12 văn bản cấp xã; rà soát 149 văn bản theo yêu cầu của các Bộ, ngành Trung ương; cập nhật 94 văn bản QPPL lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) và hòa giải ở cơ sở tiếp tục được đổi mới mạnh mẽ, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và mạng xã hội. Trong 9 tháng, Sở đã phát hành 920 cuốn Bản tin Tư pháp, biên soạn 20 đề cương PBGDPL; phát hành 40.000 tờ gấp tuyên truyền. Kênh truyền thông trên các nền tảng số thu hút sự quan tâm lớn từ người dân: Trang Zalo Official Account “Phổ biến pháp luật Điện Biên” có 1.228 người quan tâm, đăng tải 70 tin/bài; Trang thông tin điện tử của Sở đăng tải 251 tin/bài và fanpage PBGDPL đăng tải 121 tin/bài. Đối với công tác hòa giải ở cơ sở, Sở đã tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho 154 hòa giải viên tại các xã Núa Ngam và Mường Phăng, góp phần giải quyết hiệu quả các tranh chấp tại cộng đồng. Trong lĩnh

❖ **Mai Xuân Hòa - Văn phòng Sở**

vực hành chính tư pháp và hộ tịch, 100% hồ sơ thủ tục hành chính (TTHC) tiếp nhận đều được thực hiện qua hình thức trực tuyến và giải quyết đúng/trước hạn. Sở Tư pháp đã chủ động phối hợp rà soát, làm sạch dữ liệu khai sinh giữa Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; đồng thời đẩy mạnh triển khai các dịch vụ công liên thông, hướng dẫn sử dụng phần mềm mới nhằm bảo đảm giải quyết thủ tục thông suốt khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

Công tác trợ giúp pháp lý (TGPL) đạt nhiều kết quả ấn tượng: Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước và Đấu giá tài sản đã thực hiện 1.344 vụ việc cho 1.344 lượt người, hoàn thành 507 vụ việc tham gia tố tụng đạt chất lượng tốt; tổ chức 04 đợt truyền thông TGPL tại cơ sở, thu hút 1.415 lượt người tham dự; phát miễn phí 6.358 tờ gấp pháp luật cho người dân và tham mưu Sở tổ chức 12 hội nghị tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ người thực hiện TGPL, UBND các xã, cán bộ nông cốt và người dân theo Chương trình, Dự án “Trợ giúp pháp lý cho người nghèo và đối tượng yếu thế”.

Lĩnh vực hỗ trợ tư pháp (*luật sư, công chứng, đấu giá tài sản, giám định tư pháp, thi hành án*



Đồng chí Trần Thanh Hưng - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Tư pháp phát biểu tại Hội nghị tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác tư pháp năm 2026



Đồng chí Đỗ Xuân Toán - Phó Giám đốc Sở Tư pháp triển khai Ngày đọc văn bản quy phạm pháp luật tháng 8 năm 2026

dân sự, thừa phát lại) tiếp tục được triển khai chặt chẽ và hiệu quả. Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước và Đấu giá tài sản đã thực hiện 26 hợp đồng, vụ việc; trong đó, đấu giá thành 11 hợp đồng, vụ việc và đấu giá không thành 15 hợp đồng, vụ việc. Phòng Công chứng số 1 đã thực hiện 1.253 hợp đồng công chứng, thu hơn 762 triệu đồng tiền phí.

Trong 3 tháng cuối năm 2026, Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên tiếp tục tập trung triển khai đồng bộ các nhiệm vụ công tác, quyết tâm hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu đã đề ra, trong đó tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

Thứ nhất, nâng cao chất lượng công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản QPPL: Tiếp tục đơn đốc, hướng dẫn các sở, ban, ngành và địa phương thực hiện nghiêm công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản QPPL; tăng cường tự kiểm tra văn bản do UBND tỉnh ban hành và kiểm tra theo thẩm quyền văn bản cấp xã để kịp thời xử lý các nội dung chưa phù hợp; đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản QPPL theo kế hoạch.

Thứ hai, đổi mới, đẩy mạnh công tác PBGDPL và hòa giải ở cơ sở: Triển khai hiệu quả Luật PBGDPL, Luật Hòa giải ở cơ sở; tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức Ngày Pháp luật năm 2026 và kiểm tra công tác PBGDPL, hòa giải, đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; tăng cường đa dạng hóa các hình thức truyền thông pháp luật trên Cổng thông tin điện tử, Zalo OA, Fanpage và ấn phẩm Báo/Bản tin Tư pháp.

Thứ ba, tăng cường công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính: Tham mưu thực hiện tốt Luật Xử lý vi phạm hành chính; đơn đốc cập nhật dữ liệu đầy đủ vào Cơ sở dữ liệu XLVPHC của tỉnh; tổ chức kiểm tra, báo cáo kết quả thi hành pháp luật năm 2026; đồng thời đẩy mạnh hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong sản xuất, kinh doanh.

Thứ tư, nâng cao hiệu quả công tác Hành chính tư pháp và Bồi thường nhà nước: Hướng dẫn, đơn đốc thực hiện tốt các nhiệm vụ về hộ tịch, quốc tịch, nuôi con nuôi, đăng ký biện pháp bảo đảm; tháo gỡ vướng mắc trong thực hiện TTHC liên thông; tiếp tục đẩy mạnh làm sạch và đồng bộ dữ liệu hộ tịch với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.



Các đại biểu trao đổi, thảo luận, tham gia các hoạt động tại Hội nghị tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác tư pháp năm 2026

Thứ năm, tăng cường quản lý nhà nước về Hỗ trợ tư pháp và Trợ giúp pháp lý: Rà soát, công bố kịp thời các TTHC trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; thành lập các đoàn kiểm tra đăng ký biện pháp bảo đảm và tổ đánh giá chất lượng vụ việc TGPL; đẩy mạnh truyền thông TGPL gắn với các Chương trình Mục tiêu quốc gia cho các đối tượng yếu thế, người nghèo; thực hiện tốt quy chế phối hợp TGPL trong hoạt động tổ tụng.

Thứ sáu, chú trọng xây dựng ngành, cải cách hành chính và giải quyết khiếu nại, tố cáo: Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và duy trì hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO

9001:2015; làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng năm 2026; duy trì nghiêm túc công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo đúng quy định pháp luật.

Với tinh thần chủ động, trách nhiệm, bám sát chương trình công tác năm 2026, Sở Tư pháp tiếp tục tập trung nguồn lực, tăng cường phối hợp giữa các phòng, đơn vị và địa phương, phấn đấu hoàn thành toàn diện các nhiệm vụ công tác tư pháp năm 2026, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh./.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN

❖ **Thiều Huệ - PBGD&TDTHPL**

Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa giữ vai trò quan trọng góp phần nâng cao năng lực quản trị, phòng ngừa và hạn chế rủi ro pháp lý, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp; góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Điện Biên.



Đ/c Trần Minh Sơn - Giám đốc Trung tâm hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp nhỏ và vừa, Cục Pháp luật dân sự - kinh tế, Bộ Tư pháp truyền đạt chuyên đề tại Hội nghị hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên tổ chức

Thời gian qua, với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh, cùng sự nỗ lực của các cơ quan, đơn vị và cộng đồng doanh nghiệp, công tác hỗ trợ doanh nghiệp phát triển nói chung, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng trên địa bàn tỉnh đã được triển khai đồng bộ, đạt nhiều kết quả tích cực.

Tăng khả năng tiếp cận pháp luật cho doanh nghiệp: UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tăng cường cung cấp thông tin, nâng cao khả năng tiếp cận pháp luật và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; đồng thời quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả Cơ sở dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật. 100%

văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành được kịp thời cập nhật, đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

Trong giai đoạn 2021 - 2026, Sở Tư pháp đã cập nhật 500 văn bản QPPL; đăng tải tin, bài, hình ảnh và xây dựng chuyên mục “Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp”, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tra cứu, tìm hiểu và áp dụng pháp luật. Sở đã thành lập mạng lưới tư vấn viên pháp luật gồm 05 tổ chức và 16 cá nhân; danh sách được công khai trên Trang thông tin điện tử của tỉnh để doanh nghiệp và các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp thuận tiện liên hệ khi có nhu cầu.

Công tác tuyên truyền, bồi dưỡng kiến thức pháp luật được triển khai với nhiều hình thức. Sở Tư pháp đã phối hợp với Bộ Tư pháp tổ chức 07 hội nghị, 01 tọa đàm với gần 640 người tham dự; xuất bản 23 ấn phẩm Bản tin Tư pháp, với tổng số 5.970 cuốn; biên soạn, phát hành 109 đề cương giới thiệu các văn bản luật mới ban hành. Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã tổ chức 89 hội nghị tập huấn, phổ biến, bồi dưỡng kiến thức pháp luật với 4.981 lượt người tham dự; 4.545 cuộc tuyên truyền với 221.547 lượt người tham gia. Bên cạnh đó, các cơ quan, đơn vị duy trì việc biên soạn bản tin, tài liệu điện tử; xây dựng các chuyên mục như “Hàng rào kỹ thuật trong thương mại quốc tế”, “Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật”, “Công dân - Doanh nghiệp” với mục “Hỏi - Đáp”; đẩy mạnh tuyên truyền qua các chương trình “Pháp luật và đời sống”, “Kinh tế và phát triển”, “Các vấn đề xã hội”..., tập trung vào những chính sách, quy định pháp luật thiết thực, góp phần tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Năm 2026, Sở tổ chức Hội nghị bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp, tư vấn viên pháp luật và người làm công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp với gần 120 đại biểu tham dự. Hoạt động tư vấn, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp tục được quan tâm, triển khai. UBND tỉnh đã thành lập Tổ công tác đặc biệt để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư và các dự án trên địa bàn; đồng thời chỉ đạo các sở, ngành, địa phương phối hợp hỗ trợ, giải quyết khó khăn, vướng mắc phát sinh. Các cơ quan, đơn vị đã tư vấn, cung cấp thông

tin pháp lý và hỗ trợ doanh nghiệp trong các lĩnh vực như bồi thường, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất, đầu tư, sản xuất, kinh doanh; xử lý các vướng mắc phát sinh giữa người dân và doanh nghiệp. Hoạt động tư vấn, hỗ trợ được thực hiện bằng nhiều hình thức, kết hợp trực tiếp và trực tuyến thông qua diễn đàn, hội nghị đối thoại, thư điện tử, mạng xã hội. Toàn tỉnh đã thực hiện 525 lượt tư vấn, hỗ trợ; tổ chức nhiều cuộc đối thoại giữa Chủ tịch UBND tỉnh với doanh nghiệp về đầu tư, đất đai, khoáng sản, môi trường, tài nguyên nước, lao động, việc làm, xây dựng, an toàn thực phẩm, bảo hiểm xã hội, thuế...; đồng thời duy trì các kênh Zalo, Facebook, YouTube, Zoom, điện thoại và đường dây nóng để kịp thời hướng dẫn, giải đáp kiến nghị của doanh nghiệp.

Để tiếp tục nâng cao hiệu quả hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới, cần tập trung thực hiện bảy nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như sau:

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ công chức làm công tác quản lý nhà nước và hỗ trợ doanh nghiệp; góp phần xây dựng môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, bình đẳng, minh bạch, thuận lợi.

Thứ hai, tăng cường tuyên truyền, phổ biến, cập nhật kịp thời các quy định pháp luật liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; chú trọng những lĩnh vực thường phát sinh khó khăn, vướng mắc và các chính sách, quy định mới tác động trực tiếp đến doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Thứ ba, tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hỗ trợ pháp lý theo hướng thiết thực, chủ động, kịp thời, sát nhu cầu thực tế của doanh nghiệp; tăng cường tổ chức hội nghị đối thoại, tập huấn, tư vấn, giải đáp và hướng dẫn doanh nghiệp xử lý các vấn đề pháp lý phát sinh trong quá trình hoạt động.

Thứ tư, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản, công khai, minh bạch, hiệu quả; tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp tiếp cận các nguồn lực, mở rộng cơ hội sản xuất, kinh doanh và thị trường.

Thứ năm, tăng cường cơ chế phối hợp giữa

các sở, ban, ngành, địa phương với tổ chức đại diện cho doanh nghiệp, tổ chức hành nghề luật sư và đội ngũ tư vấn viên pháp luật nhằm nâng cao chất lượng, tính kịp thời và hiệu quả của hoạt động hỗ trợ pháp lý.

Thứ sáu, chủ động nắm bắt, tổng hợp và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc pháp lý của doanh nghiệp; đồng thời nghiên cứu, đề xuất cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chính sách, pháp luật nhằm tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, minh bạch, ổn định.

Thứ bảy, tăng cường kiểm tra, theo dõi, đánh giá

hiệu quả hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; chú trọng mức độ tiếp cận thông tin pháp luật và sự hài lòng của doanh nghiệp, coi đây là một trong những căn cứ để tiếp tục nâng cao chất lượng hỗ trợ.

Triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp trên sẽ góp phần nâng cao ý thức và khả năng tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp nhỏ và vừa; giúp doanh nghiệp chủ động phòng ngừa, hạn chế rủi ro pháp lý, yên tâm đầu tư, sản xuất, kinh doanh. Qua đó, góp phần cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Điện Biên./.

TRÍ TUỆ NHÂN TẠO - TRỢ THỦ MỚI TRONG CÔNG TÁC TƯ PHÁP

Trong dòng chảy chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo (AI) đang nhanh chóng trở thành một công cụ hỗ trợ đắc lực trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Đối với ngành Tư pháp, nơi thường xuyên phải xử lý khối lượng lớn văn bản, dữ liệu, hồ sơ và thông tin pháp lý, AI mở ra nhiều cơ hội để đổi mới phương thức làm việc, nâng cao hiệu quả tham mưu, phục vụ người dân và doanh nghiệp. Tuy nhiên, để AI thực sự trở thành “trợ thủ” hiệu quả, việc ứng dụng cần được thực hiện có trách nhiệm, đúng quy định, bảo đảm an toàn thông tin và đặt chuyên môn, đạo đức công vụ của người cán bộ tư pháp ở vị trí trung tâm.

AI - thêm một công cụ để nâng cao hiệu quả công việc

Công tác tư pháp có đặc thù là thường xuyên gắn với pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật, hồ sơ hành chính, dữ liệu chuyên ngành và yêu cầu cao về tính chính xác. Trong khi đó, số lượng văn bản ngày càng lớn, nội dung ngày càng chuyên sâu, yêu cầu xử lý công việc ngày càng nhanh. Đây chính là môi trường mà các công cụ AI có thể phát huy vai trò hỗ trợ.

Ở mức độ đơn giản, AI có thể giúp cán bộ tìm kiếm, hệ thống hóa, tóm tắt những nội dung dài; hỗ trợ so sánh các văn bản, xác định những điểm cần

❖ Phương Thảo - Văn phòng Sở

lưu ý, xây dựng dàn ý, dự thảo nội dung hoặc gợi ý cách trình bày. Đối với công việc tổng hợp, AI có thể hỗ trợ phân loại thông tin, hệ thống hóa số liệu, nhận diện các nhóm vấn đề và gợi ý cấu trúc báo cáo.

Điều đáng chú ý là AI không chỉ giúp “làm nhanh hơn” mà còn có thể góp phần thay đổi cách cán bộ tiếp cận công việc. Thay vì dành quá nhiều thời gian cho những thao tác mang tính lặp lại, cán bộ có thể dành nhiều thời gian hơn cho việc nghiên cứu, phân tích, kiểm tra và đưa ra quyết định chuyên môn.

Tuy nhiên, AI chỉ đưa ra kết quả dựa trên dữ liệu và yêu cầu được cung cấp. Những thông tin do AI tạo ra có thể thiếu chính xác, chưa cập nhật hoặc chưa phù hợp với quy định pháp luật hiện hành. Vì vậy, AI cần được nhìn nhận đúng bản chất: *là công cụ hỗ trợ, không phải chủ thể quyết định*. Mọi kết quả do AI cung cấp đều cần được cán bộ có chuyên môn kiểm chứng trước khi sử dụng.

Hỗ trợ xây dựng, kiểm tra và rà soát văn bản pháp luật

Xây dựng và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật là lĩnh vực đòi hỏi tính chính xác cao, bởi mỗi quy định được ban hành đều có thể tác động trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp. Trong lĩnh vực này, AI có thể hỗ trợ cán bộ rà soát một lượng lớn văn bản trong thời

gian ngắn, tìm kiếm những nội dung có liên quan, so sánh quy định giữa các văn bản, phát hiện những điểm chưa thống nhất về thuật ngữ, cấu trúc hoặc nội dung để cán bộ tiếp tục nghiên cứu. AI cũng có thể hỗ trợ xây dựng bảng đối chiếu giữa quy định cũ và quy định mới, tóm tắt những điểm sửa đổi, bổ sung hoặc gợi ý các nhóm vấn đề cần đánh giá khi xây dựng dự thảo văn bản. Đối với công tác góp ý dự thảo, đây có thể là công cụ giúp cán bộ nhanh chóng nắm bắt nội dung trọng tâm, từ đó tập trung hơn vào việc đánh giá tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, khả thi và phù hợp với thực tiễn.

Tuy nhiên, đây cũng là lĩnh vực cần đặc biệt thận trọng. AI không thể thay thế việc nghiên cứu văn bản gốc, đối chiếu quy định có hiệu lực và đánh giá tác động pháp lý. Một lỗi nhỏ trong việc nhận diện hoặc diễn giải quy định cũng có thể dẫn đến hệ quả lớn. Do đó, AI chỉ nên đóng vai trò “trợ lý rà soát”, còn kết luận chuyên môn phải thuộc về cán bộ có thẩm quyền.

Đổi mới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật

Nếu xây dựng và rà soát pháp luật là lĩnh vực đòi hỏi tính chính xác thì phổ biến, giáo dục pháp luật lại đòi hỏi khả năng truyền tải thông tin sao cho dễ hiểu, dễ nhớ và phù hợp với từng nhóm đối tượng. Đây là một trong những lĩnh vực AI có nhiều tiềm năng ứng dụng. Từ một nội dung pháp luật khô khan, AI có thể hỗ trợ chuyển hóa thành nhiều hình thức khác nhau như bài viết ngắn, câu hỏi - đáp, kịch bản video, infographic, nội dung tuyên truyền trên mạng xã hội hoặc tình huống pháp luật gần gũi với đời sống.

Đối với địa bàn miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, việc đổi mới hình thức tuyên truyền càng có ý nghĩa. Nội dung pháp luật có thể được hỗ trợ diễn đạt theo hướng ngắn gọn, trực quan, hạn chế thuật ngữ phức tạp; đồng thời kết hợp hình ảnh, âm thanh và video để tăng khả năng tiếp cận.

AI cũng có thể hỗ trợ cán bộ xây dựng các bộ câu hỏi trắc nghiệm, tình huống pháp luật, nội dung tuyên truyền theo từng nhóm đối tượng như thanh thiếu niên, người dân, doanh nghiệp, cán bộ cơ sở... Qua đó, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật có thể chuyển từ cách truyền đạt một chiều sang phương thức tương tác, trực quan và gần gũi với nhu cầu của người dân hơn.

Dù vậy, đối với nội dung pháp luật, nguyên tắc “kiểm chứng trước khi công bố” phải được đặt lên hàng đầu. Không sử dụng nguyên văn nội dung do



Ảnh minh họa

AI tạo ra khi chưa kiểm tra căn cứ pháp lý, hiệu lực của văn bản và tính chính xác của thông tin.

AI trong trợ giúp pháp lý và hỗ trợ tiếp cận pháp luật

Trợ giúp pháp lý là lĩnh vực hướng đến những người yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn và cần được hỗ trợ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp. AI có thể hỗ trợ cán bộ trong việc tìm kiếm, hệ thống hóa thông tin, chuẩn bị nội dung nghiên cứu, phân loại hồ sơ và xây dựng các tài liệu giải thích pháp luật theo cách dễ hiểu.

Đối với người dân, các công cụ AI có khả năng hỗ trợ giải thích khái niệm pháp lý bằng ngôn ngữ đơn giản, hướng dẫn người dân xác định vấn đề pháp lý mà mình đang gặp phải và gợi ý nguồn thông tin chính thống để tìm hiểu thêm.

Tuy nhiên, trong lĩnh vực này cần lưu ý AI có thể hỗ trợ cung cấp thông tin ở mức độ phù hợp. Những trường hợp cụ thể liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của người dân vẫn cần được cán bộ, trợ giúp viên pháp lý hoặc người có chuyên môn trực tiếp xem xét.

AI hỗ trợ quản lý nhà nước và công tác tổng hợp, báo cáo

Đối với công tác quản lý nhà nước về tư pháp, AI có thể trở thành công cụ hỗ trợ hiệu quả trong tổng hợp và phân tích thông tin. Từ nhiều nguồn

dữ liệu, AI có thể hỗ trợ phân loại, hệ thống hóa, phát hiện xu hướng và xây dựng các bảng tổng hợp phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành. Trong công tác báo cáo, AI có thể hỗ trợ xây dựng bố cục, tổng hợp số liệu, phát hiện những nội dung còn thiếu, chuẩn hóa cách diễn đạt hoặc chuyển dữ liệu thành các bảng biểu, biểu đồ trực quan. Điều này đặc biệt hữu ích đối với những nhiệm vụ cần tổng hợp thông tin từ nhiều đơn vị, nhiều lĩnh vực trong thời gian ngắn.

Song AI không thể tự xác định đâu là số liệu chính thức, đâu là thông tin có giá trị pháp lý. Cán bộ vẫn phải chịu trách nhiệm kiểm tra nguồn, đối chiếu số liệu và bảo đảm tính trung thực, chính xác của báo cáo trước khi trình cấp có thẩm quyền.

Chuyển đổi số trước hết là chuyển đổi tư duy

AI đang mở ra nhiều cơ hội, nhưng công nghệ chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi con người sẵn sàng thay đổi. Đối với ngành Tư pháp, ứng dụng AI không nên được hiểu đơn giản là đưa một công cụ mới vào sử dụng, mà cần gắn với quá trình đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng lực số và xây dựng văn hóa sử dụng công nghệ có trách nhiệm.

Mỗi cán bộ tư pháp cần chủ động trang bị kiến thức về AI, hiểu được khả năng và giới hạn của công nghệ, biết cách đặt yêu cầu phù hợp, kiểm chứng kết quả và bảo vệ thông tin trong quá trình sử dụng. Đồng thời, cần hình thành nguyên tắc rõ ràng về những loại dữ liệu được phép sử dụng, những nội dung cần kiểm tra và những trường hợp không được đưa thông tin vào công cụ AI.

Quan trọng hơn, ngành Tư pháp cần xác định rõ: AI có thể hỗ trợ con người làm việc tốt hơn, nhưng không thể thay thế trách nhiệm pháp lý, đạo đức công vụ và bản lĩnh nghề nghiệp của người cán bộ tư pháp. Trí tuệ nhân tạo có thể là một “trợ thủ” mới của ngành Tư pháp, nhưng người quyết định chất lượng công việc vẫn là con người.

Chủ động làm chủ công nghệ, đồng thời giữ vững nguyên tắc pháp luật, đạo đức công vụ và trách nhiệm nghề nghiệp sẽ là chìa khóa để ngành Tư pháp tận dụng được những cơ hội mà AI mang lại, góp phần xây dựng nền tư pháp hiện đại, chuyên nghiệp, minh bạch và phục vụ người dân ngày càng tốt hơn./.

ĐOÀN LUẬT SƯ TỈNH ĐIỆN BIÊN:

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA LUẬT SƯ TRONG CẢI CÁCH TƯ PHÁP VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN

❖ **Nguyễn Cảnh Phương**

Trong tiến trình xây dựng và hoàn thiện

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đội ngũ luật sư giữ vai trò quan trọng trong bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo đảm quyền tiếp cận công lý và góp phần xây dựng nền tư pháp dân chủ, nghiêm minh, hiện đại. Với nhận thức đó, Đoàn Luật sư tỉnh Điện Biên luôn bám sát sự lãnh đạo của Liên đoàn Luật sư Việt Nam, sự quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp, UBND tỉnh và Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên, chủ động triển khai đồng bộ các nhiệm vụ chính trị và chuyên môn, từng bước nâng cao chất lượng hoạt động luật sư, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm pháp chế trên địa bàn tỉnh.

Trong năm 2026, mặc dù còn nhiều khó khăn do số lượng luật sư còn ít, địa bàn hoạt động rộng, điều kiện đi lại tại nhiều khu vực vùng sâu, vùng xa còn hạn chế, song với tinh thần đoàn kết, trách nhiệm và đổi mới, Ban Chủ nhiệm cùng đội ngũ luật sư đã nỗ lực hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và đề ra phương hướng trong thời gian tới, Đoàn Luật sư tỉnh đã tổ chức Hội nghị sơ kết công tác 6 tháng đầu năm 2026, thống nhất nhiều giải pháp nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của Đoàn và từng luật sư.

Hiện nay, Đoàn Luật sư tỉnh Điện Biên có 12 tổ chức hành nghề luật sư, gồm 07 Văn phòng luật sư, 03 Công ty luật và 02 Chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư ngoài tỉnh, với 32 luật sư đang hành nghề; 10 luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước và Đầu giá tài sản tỉnh Điện Biên và 02 người tập sự hành nghề luật sư. Trong kỳ, Ban Chủ nhiệm đã tổ chức công bố quyết định của Ban Thường vụ Liên đoàn Luật sư Việt Nam và trao Thẻ luật sư cho 02 luật sư mới, góp phần bổ sung nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng đội ngũ luật sư của tỉnh.

Hoạt động hành nghề luật sư tiếp tục được triển khai hiệu quả, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu pháp lý của cơ quan, tổ chức và Nhân dân. Trong 7 tháng đầu năm 2026, các luật sư đã tham gia 370 vụ việc tố tụng, trong đó có 230 vụ án hình sự và 140 vụ án dân sự, hành chính, hôn nhân và gia đình, kinh doanh thương mại, lao động; thực hiện 122 vụ trợ giúp pháp lý, 99 vụ tư vấn pháp luật; tham gia 111 vụ hòa giải, trong đó có 76 vụ hòa giải thành tại Tòa án; đồng thời tiếp và hướng dẫn pháp luật cho 32 lượt công dân.

Những kết quả trên không chỉ phản ánh sự gia tăng về số lượng vụ việc mà còn thể hiện chất lượng, trách nhiệm và bản lĩnh nghề nghiệp của đội ngũ luật sư. Thông qua hoạt động tranh tụng, tư vấn, trợ giúp pháp lý và hòa giải, các luật sư đã góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân; bảo đảm quyền tiếp cận công lý của người dân; giải quyết nhiều tranh chấp ngay từ cơ sở, hạn chế khiếu kiện kéo dài và đóng góp thiết thực vào quá trình cải cách tư pháp ở địa phương.

Song hành với hoạt động hành nghề, Đoàn Luật sư tỉnh luôn coi việc tham gia xây dựng và hoàn thiện pháp luật là trách nhiệm chính trị - nghề nghiệp quan trọng của tổ chức luật sư. Trong thời gian qua, Đoàn đã tổ chức nghiên cứu, tổng hợp ý kiến của luật sư đối với Dự thảo Luật Luật sư (sửa đổi) và nhiều dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan Trung ương và địa phương lấy ý kiến; tích cực tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học và diễn đàn phản



*Hội nghị sơ kết công tác 6 tháng đầu năm 2026
của Đoàn Luật sư tỉnh Điện Biên.*

biện xã hội. Qua đó, nhiều ý kiến xuất phát từ thực tiễn hành nghề đã được phản ánh, góp phần hoàn thiện chính sách, pháp luật và nâng cao chất lượng quản lý nhà nước trong lĩnh vực tư pháp.

Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tiếp tục được triển khai theo hướng thiết thực, lấy người dân làm trung tâm. Đoàn Luật sư tỉnh đã phối hợp hoàn thành Báo cáo tổng kết việc thực hiện Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ Tư pháp; tổ chức tuyên truyền pháp luật cho hơn 100 cán bộ và Nhân dân xã Tuần Giáo về phòng, chống tội phạm lừa đảo trên không gian mạng và phòng, chống ma túy. Thông qua hoạt động tố tụng, tư vấn và trợ giúp pháp lý, các luật sư còn trực tiếp phổ biến pháp luật cho 465 lượt người, góp phần nâng cao nhận thức pháp luật, xây dựng ý thức thượng tôn pháp luật trong cộng đồng.

Cùng với việc nâng cao chất lượng hành nghề, Đoàn Luật sư tỉnh luôn quan tâm xây dựng đội ngũ luật sư có trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp. Trong 7 tháng đầu năm, Ban Chủ nhiệm đã cử 30 lượt luật sư tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ do Sở Tư pháp và Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên tổ chức nhằm cập nhật các quy định pháp luật mới, nâng cao kỹ năng tranh tụng, tư vấn, trợ giúp pháp lý và đạo đức nghề nghiệp.

Đặc biệt, trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, Đoàn Luật sư tỉnh đã từng bước ứng dụng công

nghệ vào hoạt động nghề nghiệp. Các luật sư tham gia lớp bồi dưỡng bắt buộc về ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động luật sư, từng bước tiếp cận phương thức hành nghề hiện đại, nâng cao năng suất lao động, chất lượng nghiên cứu hồ sơ và hiệu quả cung cấp dịch vụ pháp lý, góp phần xây dựng đội ngũ luật sư chuyên nghiệp, thích ứng với yêu cầu của thời kỳ chuyển đổi số.

Những kết quả đạt được trong 7 tháng đầu năm 2026 là minh chứng cho sự nỗ lực, đoàn kết và trách nhiệm của Ban Chủ nhiệm cùng toàn thể luật sư Đoàn Luật sư tỉnh Điện Biên. Đây cũng là tiền đề quan trọng để Đoàn tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng hành nghề và chất

lượng dịch vụ pháp lý; tăng cường tham gia xây dựng pháp luật, cải cách tư pháp, trợ giúp pháp lý, phổ biến, giáo dục pháp luật và phản biện xã hội.

Phát huy truyền thống của nghề luật sư và những kết quả đã đạt được, Đoàn Luật sư tỉnh Điện Biên sẽ tiếp tục xây dựng đội ngũ luật sư có bản lĩnh chính trị vững vàng, giỏi chuyên môn, chuẩn mực về đạo đức nghề nghiệp, tận tâm phụng sự công lý và phục vụ Nhân dân; tích cực đồng hành cùng các cơ quan tư pháp trong thực hiện nhiệm vụ cải cách tư pháp, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày càng trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới./.

ĐƯA PHÁP LUẬT ĐẾN GẦN HƠN VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ KHU VỰC BIÊN GIỚI: THỰC TIỄN TỪ HOẠT ĐỘNG CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - ĐIỆN BIÊN

✦ Chở Thị Dưa,

VKSND khu vực 5 - Điện Biên

Đối với người dân ở vùng sâu, vùng xa, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại khu vực biên giới, việc tiếp cận và hiểu đúng các quy định của pháp luật vẫn còn không ít trở ngại. Không chỉ có khoảng cách về địa lý, việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật còn gặp trở ngại bởi sự khác biệt về ngôn ngữ, phong tục, tập quán và điều kiện tiếp cận thông tin, khiến công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nếu chỉ dừng lại ở các phương thức truyền thống sẽ khó đạt được hiệu quả như kỳ vọng.



Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử, công bố cáo trạng tại phiên tòa xét xử lưu động

Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Điện Biên có nhiệm vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trên địa bàn 10 xã thuộc khu vực phía Tây của tỉnh Điện Biên gồm các xã Si Pa Phìn, Nà Hỳ, Nà Bùng, Mường Chà, Chà Tở, Quảng Lâm, Mường Toong, Nậm Kè, Mường Nhé, Sín Thầu. Đây là địa bàn miền núi, địa hình chia cắt, có đông đồng bào dân tộc thiểu số

sinh sống và có đường biên giới tiếp giáp với Lào và Trung Quốc dài hơn 250 km. Tình hình tội phạm trên địa bàn còn diễn biến phức tạp, trong đó tội phạm về ma túy chiếm tỷ lệ cao. Những đặc điểm đó đặt ra yêu cầu phải làm tốt hơn nữa công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật ngay từ cơ sở.

Từ thực tế công tác, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 xác định tuyên truyền, phổ biến pháp

luật không phải là công việc riêng của một cơ quan hay chỉ thực hiện khi có kế hoạch, mà cần được gắn với từng hoạt động chuyên môn và phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa bàn.

Một trong những hình thức tuyên truyền pháp luật được đơn vị thực hiện thường xuyên là phối hợp tổ chức các phiên tòa xét xử lưu động.

Trên địa bàn khu vực 5, các vụ án về ma túy chiếm khoảng 85% tổng số vụ án hình sự thụ lý, giải quyết trong năm công tác. Vì vậy, những vụ án về tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy thường được lựa chọn để xét xử lưu động. Hằng năm, đơn vị phối hợp với Tòa án nhân dân cùng cấp tổ chức ít nhất 06 phiên tòa tại các xã, bản trên địa bàn. Việc lựa chọn địa điểm xét xử thường gắn với nơi bị cáo sinh sống, tạo điều kiện để người dân địa phương có thể trực tiếp tham dự. Tính đến nay, trong năm 2026, đơn vị đã phối hợp tổ chức thành công 06 phiên tòa xét xử lưu động đối với các vụ án về ma túy tại địa bàn các xã Si Pa Phìn, Nà Bùng...

Thực tế cho thấy, một phiên tòa tổ chức tại địa phương có tác dụng tuyên truyền khá rõ. Người dân không phải tìm đọc một điều luật hay tham dự một buổi tuyên truyền mang tính lý thuyết, mà được trực tiếp chứng kiến một vụ án cụ thể, từ quá trình xét hỏi, tranh luận đến khi Hội đồng xét xử tuyên án. Đồng thời, việc chứng kiến một người từng là người thân trong gia đình, người cùng thôn bản phải đứng trước bục khai báo và chịu sự trừng phạt nghiêm minh của pháp luật là bài học răn đe trực quan, sâu sắc...

Qua đó, người dân có thể thấy rõ một hành vi cụ thể đã vi phạm pháp luật như thế nào, người thực hiện hành vi phải chịu trách nhiệm ra sao và hậu quả của việc vi phạm pháp luật đối với bản thân, gia đình. Đối với những vụ án ma túy, việc người dân trực tiếp chứng kiến hậu quả pháp lý mà bị cáo phải chịu cũng là một hình thức cảnh báo thiết thực, nhất là đối với thanh thiếu niên.

Vì vậy, có thể nói phiên tòa lưu động không chỉ nhằm giải quyết một vụ án mà còn tạo ra một



Cán bộ, Kiểm sát viên VKSND khu vực 5 trực tiếp phát tờ rơi, tuyên truyền pháp luật đến từng hộ dân cơ hội để người dân được tiếp cận pháp luật từ một vụ việc cụ thể, gần gũi với cuộc sống của chính mình.

Cùng với các phiên tòa lưu động, đơn vị chú trọng tuyên truyền pháp luật tại cơ sở. Các buổi tuyên truyền được tổ chức tại trụ sở UBND xã, nhà văn hóa bản và những địa điểm phù hợp với điều kiện của từng địa bàn.

Nội dung tuyên truyền được lựa chọn trên cơ sở tình hình thực tế của địa bàn. Ở địa bàn có nhiều nguy cơ phát sinh tội phạm ma túy thì tập trung tuyên truyền về tác hại của ma túy, các hành vi bị pháp luật nghiêm cấm và hậu quả pháp lý của việc tàng trữ, mua bán, vận chuyển, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Người dân cũng được hướng dẫn nhận biết một số phương thức, thủ đoạn của tội phạm để nâng cao cảnh giác và chủ động tố giác khi phát hiện vụ việc. Trong năm 2026, đơn vị đã tổ chức 03 cuộc tuyên truyền về tác hại của ma túy và phát tờ rơi tại bản Nộc Cốc 1, xã Nà Bùng và bản Huổi Đáp, xã Nà Hỳ.

Đối với những địa bàn có diện tích rừng lớn, thường xuyên xảy ra tình trạng khai thác, chặt phá rừng, nội dung tuyên truyền tập trung vào các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Đồng thời, tuyên truyền về các hành vi bị pháp luật nghiêm cấm như chặt phá, đốt, khai thác rừng trái phép, hủy hoại rừng, phổ biến các quy định về trách nhiệm hình sự đối với hành vi hủy hoại rừng khi đủ yếu tố cấu thành tội phạm.



Viện kiểm sát phối hợp cùng chính quyền địa phương và lực lượng Công an tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật tại nhà dân

Qua đó, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, chủ động bảo vệ rừng của người dân và kịp thời thông báo, tố giác cho cơ quan chức năng khi phát hiện hành vi vi phạm.

Những năm trước, tỷ lệ các vụ án liên quan đến rừng trên địa bàn do Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Điện Biên phụ trách khá cao. Tuy nhiên, trong năm 2026, địa bàn đơn vị phụ trách không phát sinh vụ việc, không phải khởi tố vụ án hình sự mới nào liên quan đến các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế và môi trường trong lĩnh vực bảo vệ rừng. Kết quả này cho thấy hiệu quả của công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và sự chuyển biến tích cực trong nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của người dân.

Bên cạnh đó, những vấn đề gần gũi với đời sống của người dân như phòng, chống mua bán người, hôn nhân và gia đình, chính sách bảo vệ trẻ em và các nhóm yếu thế cũng được đưa vào nội dung tuyên truyền. Đặc biệt, đơn vị đã phối hợp với cấp ủy, chính quyền địa phương tổ chức tuyên truyền những nội dung cốt lõi của Nghị quyết số 205/2025/QH15 ngày 24/6/2025 của Quốc hội về việc thí điểm Viện kiểm sát nhân dân khởi kiện vụ án dân sự để bảo vệ quyền dân sự của các chủ thể là nhóm dễ bị tổn thương hoặc bảo vệ lợi ích công. Trong năm 2026, đơn vị đã tổ chức 02 cuộc tuyên truyền; đồng thời triển khai dán áp phích, pa-nô tuyên truyền về Nghị quyết tại trụ sở Ủy

ban nhân dân xã Nà Búng và Ủy ban nhân dân xã Si Pa Phìn, qua đó tạo thêm những kênh thông tin trực quan, giúp người dân dễ dàng tiếp cận các quy định pháp luật ngay tại địa phương. Qua các buổi tuyên truyền về Nghị quyết số 205/2025/QH15, đơn vị đã tiếp nhận 01 đơn yêu cầu/phản ánh của công dân cư trú trên địa bàn xã Nà Búng, tỉnh Điện Biên đề nghị Viện kiểm sát nhân dân hỗ trợ, đề nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc cấp Giấy khai sinh cho 03 trường hợp chưa được cấp Giấy khai sinh theo quy định.

Một vấn đề đặt ra trong công tác tuyên truyền ở địa bàn miền núi là rào cản về ngôn ngữ. Không phải người dân nào cũng có điều kiện sử dụng tiếng phổ thông thành thạo, nhất là đồng bào ở những bản vùng sâu, vùng xa, biên giới, đặc biệt là người cao tuổi. Nếu cán bộ tuyên truyền chỉ đọc nguyên văn quy định thì người nghe có thể “nghe được” nhưng chưa chắc đã “hiểu được”.

Từ thực tế địa bàn Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Điện Biên, đặc biệt tại các xã biên giới, nơi chủ yếu là đồng bào dân tộc Mông sinh sống, để công tác tuyên truyền pháp luật hiệu quả hơn, đơn vị đã chủ động phân công các Kiểm sát viên, công chức am hiểu phong tục, thông thạo tiếng dân tộc thiểu số trực tiếp giải thích, phổ biến pháp luật bằng tiếng Mông. Có những nội dung tưởng như rất đơn giản đối với cán bộ pháp luật nhưng lại không dễ hiểu đối với người dân nếu được trình bày bằng ngôn ngữ pháp lý. Khi



Đồng chí Thào A Di - Viện trưởng VKSND khu vực 5 tuyên truyền các nội dung trọng tâm của Nghị quyết số 205/2025/QH15 tại xã Nà Búng

được giải thích bằng ngôn ngữ quen thuộc, người nghe dễ trao đổi, đặt câu hỏi và mạnh dạn chia sẻ những vấn đề mà mình còn chưa rõ. Qua đó, việc sử dụng tiếng dân tộc không đơn thuần là thay đổi ngôn ngữ tuyên truyền, mà còn giúp tạo sự gần gũi giữa cán bộ Kiểm sát với người dân. Đây là điều cần thiết để công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thực sự đi vào cuộc sống.

Nếu trước đây việc tuyên truyền chủ yếu được thực hiện thông qua hội nghị, tờ rơi, áp phích hoặc tuyên truyền trực tiếp thì hiện nay mạng xã hội đang trở thành một kênh thông tin có khả năng tiếp cận người dân nhanh hơn.

Nhận thấy điều đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 đã xây dựng và sử dụng fanpage Facebook của đơn vị để đăng tải các nội dung tuyên truyền pháp luật. Hình ảnh, video ngắn, infographic về phòng, chống tội phạm ma túy, mua bán người và một số hành vi vi phạm pháp luật thường gặp được xây dựng theo hướng ngắn gọn, dễ xem và dễ nhớ.

Trong quá trình thực hiện, đơn vị đã mạnh dạn ứng dụng công nghệ số và các giải pháp trí tuệ nhân tạo (AI) trong việc biên tập hình ảnh, đồ họa thông tin (Infographic) và dựng video ngắn. Cách làm sáng tạo này giúp chuyển hóa các quy định pháp luật phức tạp thành các thông điệp trực quan, sinh động, dễ hiểu, đặc biệt thu hút đông đảo thanh thiếu niên trên không gian mạng.

Fanpage Facebook của đơn vị hiện có hơn 1.000 người theo dõi. Bên cạnh đó, nhiều bài viết tuyên truyền đạt hàng nghìn lượt tiếp cận, chia sẻ trong cộng đồng địa phương, cho thấy hiệu ứng lan tỏa bước đầu của công tác tuyên truyền trên nền tảng số.

Điều quan trọng là việc ứng dụng công nghệ phải phục vụ nội dung tuyên truyền, chứ không chạy theo hình thức. Những quy định pháp luật được lựa chọn phải chính xác, thiết thực và phù hợp với đối tượng tiếp nhận.

Ở địa bàn biên giới, nơi các yếu tố tội phạm có thể len lỏi qua từng đường mòn, lối mờ, người

dân chính là “lá chắn đầu tiên” trong công tác phòng ngừa tội phạm. Khi người dân hiểu pháp luật, họ sẽ biết cách nhận diện hành vi vi phạm, biết cách từ chối những lời rủ rê, lôi kéo, và biết cách thông tin kịp thời cho cơ quan chức năng. Đặc biệt, đối với tội phạm ma túy và mua bán người, việc phòng ngừa từ sớm có ý nghĩa rất lớn. Nhiều người dân do thiếu hiểu biết hoặc tin tưởng, nghe theo lời rủ rê của người khác mà vô tình tham gia vào những hành vi vi phạm pháp luật. Vì vậy, tuyên truyền để người dân biết trước những nguy cơ, biết cách từ chối và biết nơi để thông tin, tố giác khi phát hiện vụ việc là một trong những biện pháp phòng ngừa có hiệu quả.

Thông qua các hoạt động tuyên truyền, hình ảnh người cán bộ Kiểm sát cũng trở nên gần gũi hơn với người dân. Người dân không chỉ biết đến Viện kiểm sát qua hoạt động xét xử mà còn biết đến cán bộ Kiểm sát như những người trực tiếp giải thích, hướng dẫn và cung cấp thông tin pháp luật cho cộng đồng. Ở vùng cao, vùng biên giới, đưa pháp luật đến với người dân chưa bao giờ là việc dễ dàng. Nhưng nếu biết lựa chọn cách tuyên truyền phù hợp, bắt đầu từ những vấn đề gần gũi với cuộc sống, sử dụng ngôn ngữ mà người dân dễ hiểu và tận dụng những phương tiện công nghệ mà người dân đang sử dụng thì khoảng cách giữa pháp luật và cuộc sống sẽ được rút ngắn.

Từ những phiên tòa lưu động tại xã, bản, những buổi tuyên truyền trực tiếp, việc sử dụng tiếng dân tộc cho đến các sản phẩm tuyên truyền trên mạng xã hội, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Điện Biên đang từng bước đưa pháp luật đến gần hơn với Nhân dân, đặc biệt là đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng biên giới. Đó chính là minh chứng rõ nét cho phương châm “hướng về cơ sở”, đưa hình ảnh người cán bộ Kiểm sát nhân dân thực sự trở nên thân thuộc, gần gũi với Nhân dân; qua đó củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nâng cao ý thức thượng tôn pháp luật và giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn biên giới./.

Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên: 80 NĂM VỮNG BƯỚC DƯỚI ÁNH SÁNG PHÁP QUYỀN

❖ Huy Thành - THADS tỉnh Điện Biên

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Tư pháp và Cục Quản lý Thi hành án dân sự về tổ chức các hoạt động hướng tới kỷ niệm 80 năm Ngày truyền thống Thi hành án dân sự (19/7/1946 - 19/7/2026), sau khi báo cáo và được sự đồng ý của Thường trực Tỉnh ủy Điện Biên, UBND tỉnh Điện Biên, sáng 12/7/2026, Thi hành án dân sự (THADS) Điện Biên long trọng tổ chức Lễ kỷ niệm 80 năm Ngày truyền thống THADS (19/7/1946 - 19/7/2026) và 33 năm Ngày thành lập, phát triển Cơ quan THADS tỉnh Điện Biên (19/7/1993 - 19/7/2026), với chủ đề “80 năm vững bước dưới ánh sáng pháp quyền”.



Đồng chí Lê Thành Đô, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh cùng các đồng chí lãnh đạo tỉnh, đại diện lãnh đạo các sở, ngành tham dự Lễ kỷ niệm

Tham dự buổi lễ có đồng chí Lê Thành Đô, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh; đồng chí Bùi Minh Hải, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh; đồng chí Nguyễn Minh Phú, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo THADS tỉnh; đồng chí Hoàng Thế Anh, Trưởng ban Thi hành án hành chính và Thừa hành viên, Cục Quản lý THADS (Bộ Tư pháp), cùng đại diện lãnh đạo các sở, ban, ngành tỉnh, các cơ quan, đơn vị phối hợp trên địa bàn tỉnh Điện Biên và hơn 100 lãnh đạo, nguyên lãnh đạo, cán bộ, công chức, người lao động THADS tỉnh Điện Biên qua các thời kỳ.

Tại Lễ kỷ niệm 80 năm Ngày truyền thống THADS và 33 năm Ngày thành lập, phát triển Cơ quan THADS tỉnh Điện Biên, đồng chí Đoàn Trọng Ngôn, Bí thư Đảng ủy, Trưởng THADS tỉnh đã khái quát những dấu mốc quan trọng trong chặng đường 80 năm xây dựng và phát triển của hệ thống THADS nói chung và 33 năm phát triển, trưởng thành của THADS tỉnh Điện Biên nói riêng. Cùng với sự lớn mạnh của hệ thống THADS cả nước, THADS tỉnh Điện Biên đã

không ngừng đổi mới, đoàn kết, vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao, qua đó góp phần bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, tạo tiền đề phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Trong 33 năm vừa qua, nhiều tập thể, cá nhân thuộc THADS tỉnh Điện Biên qua các thời kỳ đã được tặng thưởng nhiều danh hiệu và hình thức khen thưởng cao quý như: Huân chương Lao động, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của



Các đồng chí lãnh đạo HĐND, UBND tỉnh tặng hoa chúc mừng THADS tỉnh Điện Biên tại Lễ kỷ niệm

Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Cờ thi đua của Ngành Tư pháp, Tập thể lao động xuất sắc, Chiến sĩ thi đua Ngành Tư pháp, Bằng khen của UBND tỉnh Điện Biên...

Lễ kỷ niệm không chỉ nhằm ôn lại truyền thống vẻ vang của ngành THADS, ghi nhận những thành tựu đã đạt được mà còn là dịp động viên, khích lệ công chức, người lao động trong ngành, khơi dậy lòng tự hào, nêu cao tinh thần trách nhiệm, tích cực, chủ động, sáng tạo, kế thừa và phát huy truyền thống nhằm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới.

Phát biểu tại buổi lễ, đồng chí Lê Thành Đô, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh ghi nhận và biểu dương những thành tích, kết quả mà tập thể lãnh đạo, công chức, người lao động THADS tỉnh Điện Biên đã đạt được trong suốt chặng đường xây dựng và phát triển, đặc biệt là những đóng góp tích cực trong thời gian qua. Đồng chí đề nghị toàn ngành tiếp tục phát huy truyền thống 80 năm xây dựng và trưởng thành của THADS Việt Nam; giữ vững bản lĩnh chính trị, tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc và Nhân dân. Quán triệt, triển khai hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và của Tỉnh về công tác THADS, THA hành chính. Đồng thời, tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác theo hướng thực chất, bền vững. Tổ chức thi hành kịp thời, đúng pháp luật các bản án, quyết định đã có hiệu lực, đẩy nhanh tiến độ giải quyết các vụ việc có điều kiện thi hành, các vụ việc tồn đọng, kéo dài và những vụ việc phức tạp được dư luận quan tâm; đẩy mạnh việc áp dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động THADS. Bên cạnh đó, tiếp tục xây dựng đội ngũ Chấp hành viên, công chức trong sạch, vững mạnh, liêm chính, gần dân.

Phát biểu tại Lễ kỷ niệm, đồng chí Hoàng Thế Anh, Trưởng ban Nghiệp vụ THAHC và Thừa hành viên, Cục Quản lý THADS, thừa ủy quyền lãnh đạo Cục Quản lý THADS, ghi nhận và đánh giá cao tinh thần đoàn kết, chủ động, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ của tập thể lãnh đạo, công chức và người lao động THADS tỉnh Điện Biên trong 33 năm qua. Đồng thời, thay mặt lãnh đạo Cục Quản lý THADS, đồng chí trân trọng cảm ơn sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Điện Biên; sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan nội chính, các sở, ngành và chính quyền địa phương đã tạo điều kiện thuận lợi để Cơ quan THADS tỉnh Điện Biên hoàn thành nhiệm vụ chính trị của ngành tại địa phương.

Tại Lễ kỷ niệm, thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ



Thừa ủy quyền lãnh đạo Cục Quản lý THADS, đồng chí Hoàng Thế Anh, Trưởng ban Nghiệp vụ THAHC và Thừa hành viên tặng hoa chúc mừng THADS tỉnh Điện Biên tại Lễ kỷ niệm

Tư pháp, đồng chí Lê Thành Đô, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh đã trao Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp cho 01 tập thể và 04 cá nhân thuộc THADS tỉnh Điện Biên có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ và các phong trào thi đua.

Trải qua 80 năm xây dựng, trưởng thành của ngành THADS Việt Nam và 33 năm hình thành, phát triển của THADS tỉnh Điện Biên, các thế hệ cán bộ, công chức, người lao động trong toàn ngành đã không ngừng nỗ lực, đoàn kết, vượt qua khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Phát huy truyền thống đó, THADS tỉnh Điện Biên tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng, hiệu quả tổ chức thi hành án; đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; xây dựng đội ngũ Chấp hành viên, công chức liêm chính, trách nhiệm, gần dân và vì Nhân dân phục vụ. Với quyết tâm và tinh thần trách nhiệm cao, THADS tỉnh Điện Biên sẽ tiếp tục vững bước dưới ánh sáng pháp quyền, góp phần bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân và đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh/.



Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, đồng chí Lê Thành Đô, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh trao Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp cho các tập thể và cá nhân

GIỚI THIỆU LUẬT PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT SỐ 12/2026/QH16

❖ Nguyễn Hòa

Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số 12/2026/QH16 thể hiện bước đổi mới quan trọng trong tư duy đưa pháp luật vào cuộc sống. Điểm xuyên suốt của Luật là chuyển từ cách tiếp cận thiên về truyền đạt thông tin sang lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, nâng cao hiệu quả thực chất của việc tiếp cận, hiểu và tuân thủ pháp luật.



Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số 12/2026/QH16

Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số 12/2026/QH16 quy định về quyền, nghĩa vụ; nội dung, hình thức; trách nhiệm quản lý nhà nước; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân; điều kiện bảo đảm phổ biến, giáo dục pháp luật và truyền thông chính sách.

Luật có một số định hướng xuyên suốt:

- Lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm trong hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật;
- Gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật;
- Chính thức luật hóa truyền thông chính sách;
- Đẩy mạnh chuyển đổi số, nền tảng số, mạng xã hội và ứng dụng trí tuệ nhân tạo;
- Xác lập Công Pháp luật quốc gia là nền tảng số quốc gia về pháp luật dùng chung;
- Chú trọng các đối tượng đặc thù, khó khăn trong tiếp cận pháp luật;
- Làm rõ trách nhiệm của cơ quan soạn thảo, cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền

địa phương, cơ quan báo chí, người sử dụng lao động, các tổ chức hành nghề pháp luật và đội ngũ làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

Ngày 23/8/2026, Quốc hội khóa XVI đã thông qua Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số 12/2026/QH16. Luật quy định về quyền, nghĩa vụ, nội dung, hình thức, trách nhiệm quản lý nhà nước, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân, các điều kiện bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và truyền thông chính sách. Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2027, trừ quy định chuyển tiếp tại khoản 2 Điều 39. Luật số 12/2026/QH16 gồm 05 chương, 39 điều.

Luật số 12/2026/QH16 tiếp tục kế thừa những quy định cơ bản, còn phù hợp và đã được thực tiễn kiểm chứng của pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật trước đây; đồng thời sửa đổi, bổ sung nhiều nội dung nhằm đáp ứng yêu cầu mới trong công tác xây dựng, tổ chức thi hành và đưa pháp luật vào cuộc sống. Trọng tâm đổi mới của Luật là tăng cường lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng nền tảng số, mạng xã hội và trí tuệ

nhân tạo; luật hóa hoạt động truyền thông chính sách; mở rộng đối tượng cần được ưu tiên hỗ trợ tiếp cận pháp luật; làm rõ hơn trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân và chú trọng đánh giá hiệu quả phổ biến, giáo dục pháp luật trên cơ sở mức độ tiếp cận, hiểu biết, tuân thủ pháp luật và sự hài lòng của đối tượng thụ hưởng. Luật có những điểm mới cơ bản sau:

1. Lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm

Luật xác định hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật phải được thực hiện kịp thời, thường xuyên, liên tục, chính xác, rõ ràng, dễ hiểu, công khai và minh bạch. Nội dung và hình thức phổ biến phải phù hợp với đặc điểm, nhu cầu, văn hóa, ngôn ngữ và địa bàn cư trú, trong đó lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm.

Đây là định hướng quan trọng nhằm chuyển mạnh từ cách tuyên truyền pháp luật mang tính một chiều sang cung cấp thông tin pháp luật xuất phát từ nhu cầu thực tế của người dân và doanh nghiệp.

2. Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo

Một trong những điểm đáng chú ý nhất của Luật là quy định rõ chủ trương **ưu tiên, khuyến khích chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong phổ biến, giáo dục pháp luật, truyền thông chính sách**.

Nhà nước đồng thời chú trọng phát triển nguồn nhân lực số, bồi dưỡng kỹ năng số cho đội ngũ làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

Các nền tảng số, mạng xã hội và ứng dụng trí tuệ nhân tạo cũng chính thức được xác định là những hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật.

3. Cổng Pháp luật quốc gia trở thành nền tảng số quốc gia về pháp luật

Luật xác định Cổng Pháp luật quốc gia là nền tảng số quốc gia về pháp luật dùng chung cho các ngành, lĩnh vực, phục vụ cơ quan, tổ chức, người dân và doanh nghiệp trong tiếp cận pháp luật.

Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm chuẩn hóa, cập nhật, chia sẻ và quản lý dữ liệu pháp

luật thuộc phạm vi quản lý trên Cổng Pháp luật quốc gia.

Quy định này tạo cơ sở hình thành một đầu mối thông tin pháp luật tập trung, góp phần giúp người dân tiếp cận nguồn thông tin chính thống thuận tiện hơn.

4. Quy định chặt chẽ việc sử dụng AI để phổ biến pháp luật

Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo phải dựa trên nguồn thông tin, dữ liệu chính thức của cơ quan nhà nước và bảo đảm tính chính xác của nội dung pháp luật.

Thông tin phải được kiểm chứng trước khi cung cấp; thực hiện gắn nhãn cảnh báo, đính chính theo quy định. Cơ quan, tổ chức, cá nhân phát triển, vận hành AI phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu đầu vào và thông tin do hệ thống của mình cung cấp.

Đồng thời, Luật nghiêm cấm sử dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo hoặc phương tiện khác để tạo lập, phát tán thông tin, tài liệu giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung pháp luật, chính sách.

5. Truyền thông chính sách trở thành một nội dung quan trọng của Luật

Luật dành riêng một mục quy định về truyền thông chính sách, được xác định là hoạt động cung cấp thông tin và tương tác đa chiều về chính sách, dự thảo văn bản trong quá trình đề xuất và soạn thảo.

Hoạt động truyền thông chính sách nhằm giúp người dân, tổ chức hiểu rõ nội dung và tác động dự kiến của chính sách, tham gia góp ý; đồng thời giúp cơ quan soạn thảo tiếp nhận phản hồi để hoàn thiện chính sách và dự thảo văn bản.

Cơ quan lập đề xuất chính sách, cơ quan chủ trì soạn thảo còn có trách nhiệm tiếp nhận, tổng hợp và giải trình đầy đủ, công khai, kịp thời các ý kiến góp ý, phản hồi.

6. Mở rộng và cụ thể hóa chính sách đối với các nhóm đặc thù

Luật xác định nhiều nhóm cần được ưu tiên trong phổ biến, giáo dục pháp luật, gồm người dân tộc thiểu số; người ở vùng sâu, vùng xa;

người lao động trong khu công nghiệp, khu chế xuất; người lao động có thu nhập thấp; người bị bạo lực; nạn nhân mua bán người; người khuyết tật; người thuộc hộ nghèo, cận nghèo; người cao tuổi; người đang chấp hành án và người tái hòa nhập cộng đồng.

Các cơ quan quản lý có trách nhiệm hướng dẫn nội dung, hình thức, bố trí kinh phí hằng năm và tổ chức phổ biến pháp luật phù hợp cho những nhóm này.

7. Đổi mới cách đánh giá hiệu quả phổ biến, giáo dục pháp luật

Luật quy định hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật được đánh giá định kỳ hoặc đột xuất. Điểm đáng chú ý là tiêu chí đánh giá hướng đến mức độ tiếp cận pháp luật, mức độ hiểu biết và tuân thủ pháp luật, sự hài lòng của đối tượng thụ hưởng, thay vì chỉ chú trọng số lượng các hoạt động tuyên truyền đã được tổ chức. Quy định

này thể hiện sự chuyển đổi từ đánh giá nặng về hoạt động sang đánh giá bằng kết quả thực chất, lấy hiệu quả tiếp cận và thực thi pháp luật của người dân làm thước đo.

Trong thời gian tới, việc tổ chức triển khai có hiệu quả các quy định của Luật đòi hỏi các cơ quan, đơn vị, địa phương và mỗi cán bộ, công chức, viên chức phải chủ động đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền; gắn phổ biến, giáo dục pháp luật với hoạt động chuyên môn, với nhu cầu thực tiễn của người dân và với tiến trình chuyển đổi số. Hiệu quả của công tác này cần được đánh giá không chỉ thông qua số lượng hoạt động được tổ chức mà còn bằng mức độ tiếp cận, hiểu biết, tuân thủ pháp luật và sự hài lòng của đối tượng thụ hưởng. Qua đó, góp phần nâng cao ý thức pháp luật, tăng cường kỷ luật, kỷ cương và từng bước xây dựng văn hóa thượng tôn pháp luật trong toàn xã hội./.

MỘT SỐ ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ SỐ 16/2026/QH16

❖ Cẩm Tú

Ngày 24/8/2026, Quốc hội khóa XVI đã chính thức thông qua Luật Hòa giải ở cơ sở số 16/2026/QH16 (sau đây gọi tắt là Luật số 16/2026/QH16), có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2027 và thay thế Luật Hòa giải ở cơ sở số 35/2013/QH13 (sau đây gọi tắt là Luật số 35/2013/QH13). Việc ban hành Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2026 là dấu mốc quan trọng trong hoàn thiện thể chế về hòa giải ở cơ sở, tạo cơ sở pháp lý để hoạt động này tiếp tục phát huy vai trò trong giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp từ sớm, từ cơ sở, góp phần củng cố đoàn kết cộng đồng, phòng ngừa vi phạm pháp luật và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Luật số 35/2013/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, toàn diện, vững chắc cho hoạt động hòa giải ở cơ sở đi vào nền nếp, thống nhất, hiệu quả và tiếp tục khẳng định được vị trí, vai trò quan trọng trong đời sống xã hội. Thực tiễn thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở cho thấy, ở những địa phương làm tốt công tác hòa giải cơ sở thì tình hình an ninh, trật tự được giữ vững, góp phần ngăn ngừa hành vi vi phạm pháp luật; xây dựng khối đoàn kết cộng đồng. Tuy nhiên, bên cạnh đó, công tác hòa giải ở cơ sở còn tồn tại một số khó khăn, vướng mắc như: Một số nguyên tắc tổ chức, hoạt động hòa giải ở cơ sở hiện hành còn thiếu đồng bộ, chưa bao quát hết các yêu cầu thực



LUẬT HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ

SỐ 16/2026/QH16

THÔNG QUA NGÀY 24/8/2026 • CÓ HIỆU LỰC TỪ 01/3/2027



1 BỔ SUNG 02 NGUYÊN TẮC
Hòa giải được tiến hành linh hoạt, thuận lợi cho các bên, phù hợp thực tế; các bên có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình và người khuyết tật được hỗ trợ ngôn ngữ phù hợp.

2 BỔ SUNG QUY ĐỊNH RIÊNG VỀ BẢO MẬT THÔNG TIN
trong công tác hòa giải, Điều 5.

3 LẤN ĐẦU QUY ĐỊNH NHÀ NƯỚC BẢO ĐẢM KINH PHÍ
cho công tác hòa giải ở cơ sở.

4 MỞ RỘNG NGUỒN LỰA CHỌN HÒA GIẢI VIÊN
Hòa giải viên chỉ cần cư trú tại cơ sở, gồm thường trú và tạm trú; bổ sung hình thức bầu bằng biểu quyết trực tuyến.

5 THIẾT LẬP CƠ CHẾ CHỈ ĐỊNH HÒA GIẢI VIÊN
khi thiếu số lượng, thành phần hoặc không thể tổ chức bầu do bất khả kháng; người được chỉ định phải được đưa ra bầu trong 03 năm.

6 HUY ĐỘNG TỐT HƠN NGƯỜI ĐƯỢC MỜI THAM GIA
hỗ trợ, tư vấn hoặc trực tiếp hòa giải; quy định quyền, nghĩa vụ, thù lao và hỗ trợ khi gặp rủi ro.

7 BẢO ĐẢM QUYỀN LỰA CHỌN HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ
của mọi chủ thể; hỗ trợ tiếng dân tộc, ngôn ngữ ký hiệu và người phiên dịch khi cần.

8 TẠO CƠ SỞ PHÁP LÝ CHO ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CHUYỂN ĐỔI SỐ, bầu hòa giải viên trực tuyến và hòa giải trực tuyến, gắn với bảo mật thông tin.

9 TĂNG CƯỜNG GIÁ TRỊ CỦA HÒA GIẢI THÀNH;
các bên có quyền yêu cầu Tòa án nhân dân có thẩm quyền công nhận kết quả hòa giải thành theo pháp luật tố tụng dân sự.

10 CHUYỂN MẠNH TỪ CHỈ GIẢI QUYẾT Mâu thuẫn sang CHỦ ĐỘNG PHÒNG NGỪA;
hòa giải viên và chính quyền cơ sở phối hợp nhận diện, ngăn ngừa sớm nguy cơ bạo lực, vi phạm pháp luật, ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe.

05 CHƯƠNG • 35 ĐIỀU • TĂNG 02 ĐIỀU SO VỚI LUẬT NĂM 2013

Giải quyết mâu thuẫn từ sớm, từ cơ sở • Củng cố đoàn kết cộng đồng • Xây dựng văn hóa thượng tôn pháp luật

tiến và bối cảnh mới; thiếu quy định về cơ chế “chỉ định hòa giải viên”, quyền và nghĩa vụ của hòa giải viên ở cơ sở chưa được quy định đầy đủ; phạm vi tham gia và quyền, nghĩa vụ của người được mời tham gia hòa giải ở cơ sở chưa được quy định rõ ràng, cụ thể; về quy định yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở; về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác hòa giải ở cơ sở; về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong công tác hòa giải ở cơ sở và về kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở chưa quy định cụ thể và chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Do đó, việc sửa đổi toàn diện Luật số 35/2013/QH13 là hết sức cần thiết nhằm nâng cao chất lượng công tác hòa giải ở cơ sở; giải quyết những bất cập, hạn chế trong quy định hiện hành của Luật, phù hợp với bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, đáp ứng yêu cầu xây dựng Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, tạo thuận lợi hơn cho cơ quan, tổ chức, cá nhân, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở.

Luật Hòa giải ở cơ sở số 16/2026/QH16 gồm 05 chương, 35 điều; tăng 02 điều so với Luật số 35/2013/QH13. Luật số 16/2026/QH16 tiếp tục kế thừa những quy định cơ bản, phù hợp của Luật số 35/2013/QH13 (điển hình như quy định về tổ hòa giải, tiêu chuẩn hòa giải viên, hòa giải thành, thực hiện thỏa thuận và theo dõi thực hiện), đồng thời bổ sung nhiều quy định nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn, nhất là về bảo mật thông tin, chuyển đổi số, hòa giải trực tuyến, bảo đảm an ninh, trật tự trong quá trình hòa giải, người được mời tham gia hòa giải, cơ chế chỉ định hòa giải viên, văn bản về kết quả hòa giải, công nhận kết quả hòa giải thành và phát triển các phương thức giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án, cụ thể:

Một là, bổ sung 02 nguyên tắc tổ chức, hoạt động hòa giải ở cơ sở: (i) “Hoạt động hòa giải ở cơ sở được tiến hành linh hoạt, thuận lợi cho các bên, phù hợp với tình hình thực tế, đặc điểm của từng vụ, việc hòa giải”; (ii) “Tiếng nói, chữ viết dùng trong hòa giải

ở cơ sở là tiếng Việt. Các bên có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình. Trường hợp các bên là người khuyết tật nghe, nói hoặc khuyết tật nhìn được hỗ trợ để dùng ngôn ngữ ký hiệu, chữ dành riêng cho người khuyết tật”.

Hai là, thiết lập hành lang pháp lý vững chắc về bảo mật thông tin: Luật bổ sung riêng 01 điều quy định về bảo mật thông tin trong công tác hòa giải (Điều 5). Quy định nhằm thiết lập cơ chế bảo mật thông tin trong bối cảnh chuyển đổi số để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, đồng thời tạo cơ sở để các bên yên tâm, tin tưởng khi tham gia hòa giải ở cơ sở. Theo đó, hòa giải viên, các bên và những người có liên quan có trách nhiệm bảo mật thông tin mà mình biết được trong quá trình hòa giải.

Ba là, xác định rõ hơn trách nhiệm của Nhà nước trong bảo đảm nguồn lực cho công tác hòa giải: Một điểm mới quan trọng của Luật là lần đầu tiên quy định “Nhà nước bảo đảm kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở”. Quy định này nhằm tăng cường trách nhiệm của các cấp chính quyền, đáp ứng đòi hỏi của xu thế xử lý chuyển hướng giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp theo chủ trương của Đảng; khắc phục tình trạng thực tiễn nhiều địa phương chưa quan tâm, bố trí kinh phí đúng mức cho công tác hòa giải ở cơ sở. Luật hiện hành quy định Nhà nước hỗ trợ kinh phí, dẫn đến công tác hòa giải ở cơ sở thiếu nguồn lực hoạt động.

Bốn là, mở rộng nguồn lựa chọn hòa giải viên, đổi mới phương thức bầu hòa giải viên: (i) Luật mở rộng nguồn lựa chọn hòa giải viên khi quy định hòa giải viên phải là người cư trú tại cơ sở (tức gồm cả người thường trú và tạm trú), thay cho quy định tại Luật hiện hành là người “thường trú tại cơ sở”. Đồng thời, Luật nâng cao tiêu chuẩn của hòa giải viên: phải

“có năng lực hành vi dân sự đầy đủ”; không đang trong thời hạn xử lý kỷ luật, thi hành quyết định xử lý kỷ luật; không trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành án hình sự hoặc chưa được xóa án tích. (ii) Để tạo điều kiện thuận lợi, linh hoạt cho các địa phương triển khai bầu hòa giải viên trong bối cảnh mở rộng thôn, tổ dân phố sau khi sắp xếp và trong thời đại công nghệ số, Luật bổ sung hình thức bầu hòa giải viên thông qua biểu quyết trực tuyến; việc bầu có thể được thực hiện tại từng cụm dân cư. Địa phương được chủ động quyết định hình thức bầu và có thể kết hợp các hình thức bầu hòa giải viên.

Năm là, quy định cơ chế chỉ định hòa giải viên: Đây là quy định mới nhằm khắc phục tình trạng thiếu hòa giải viên nhưng việc bầu hòa giải viên không đủ số lượng, không đủ thành phần theo quy định hoặc trường hợp không thể tổ chức bầu hòa giải viên do sự kiện bất khả kháng. Người được công nhận làm hòa giải viên theo cách thức chỉ định phải được đưa ra bầu trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được công nhận. Quy định thời hạn chỉ định nhằm bảo đảm nguyên tắc dân chủ, khách quan, minh bạch và phát huy sự tín nhiệm của cộng đồng, bảo đảm tính kịp thời trong kiện toàn tổ hòa giải, phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa bàn.

Sáu là, huy động tốt hơn nguồn lực xã hội tham gia hỗ trợ hòa giải: Để phát huy vai trò của người được mời tham gia hòa giải ở cơ sở trong thực tiễn, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả, Luật quy định rõ cơ chế huy động những người được mời tư vấn, hỗ trợ hòa giải viên hoặc tham gia trực tiếp vào quá trình hòa giải. Quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của người được mời tham gia hòa giải ở cơ sở nhằm góp phần động viên, khuyến khích và

tăng cường trách nhiệm của nhóm đối tượng này đối với công tác hòa giải ở cơ sở. Trong đó, người được mời trực tiếp tham gia hòa giải có quyền được hưởng thù lao theo vụ, việc khi tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật và được hỗ trợ, tạo điều kiện để khắc phục hậu quả nếu gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải. Trước đây không quy định nội dung này mà chỉ quy định về chủ thể được mời dẫn đến chưa phát huy được vai trò của người được mời để hỗ trợ cho hòa giải viên.

Bảy là, thiết lập cơ chế bảo đảm mọi chủ thể có quyền lựa chọn hòa giải ở cơ sở để giải quyết tranh chấp đều được đáp ứng: Lần đầu tiên Luật quy định các bên là người dân tộc thiểu số có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình; các bên là người khuyết tật có quyền dùng ngôn ngữ ký hiệu, chữ dành riêng cho người khuyết tật. Nếu các bên và hòa giải viên không hiểu ngôn ngữ của nhau thì cần có người phiên dịch và các bên có quyền lựa chọn, đề xuất, đề nghị thay đổi người phiên dịch. Quy định này không chỉ là sự khẳng định rõ hơn trách nhiệm của Nhà nước đối với thiết chế hòa giải ở cơ sở mà còn là sự bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Tám là, tạo cơ sở pháp lý cho chuyển đổi số trong công tác hòa giải ở cơ sở, gắn với yêu cầu bảo mật thông tin: Lần đầu tiên Luật đưa quy định về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số vào công tác hòa giải ở cơ sở. Đây không chỉ là bước đổi mới cần thiết trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay mà còn trao quyền chủ động cho địa phương, hòa giải viên và người dân trong việc quyết định có ứng dụng công nghệ thông tin hay không vào

bầu hòa giải viên, hòa giải trực tuyến; ghi Sổ theo dõi hoạt động hòa giải...

Chín là, tăng cường giá trị của hòa giải ở cơ sở gắn với quyền yêu cầu Tòa án ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành: Luật ghi nhận các bên có quyền yêu cầu Tòa án nhân dân có thẩm quyền công nhận kết quả hòa giải thành theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Quy định này đã thể chế hóa sâu sắc chủ trương của Đảng về phát triển các thiết chế giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án, giúp gia tăng tính ràng buộc và củng cố niềm tin của người dân vào kết quả hòa giải, góp phần xây dựng văn hóa pháp lý ngay từ cơ sở.

Mười là, chuyển mạnh hơn từ giải quyết mâu thuẫn sang chủ động phòng ngừa nguy cơ phát sinh hậu quả: Lần đầu tiên, Luật quy định nghĩa vụ phối hợp của hòa giải viên và chính quyền cơ sở trong việc nhận diện, ngăn ngừa sớm các mâu thuẫn có nguy cơ dẫn đến bạo lực, hành vi vi phạm pháp luật, ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe con người. Đây là sự thay đổi tư duy sâu sắc, đặt sự an toàn của Nhân dân lên hàng đầu.

Luật số 16/2026/QH16 không chỉ tập trung khắc phục những hạn chế, bất cập của Luật số 35/2013/QH13 mà còn mở rộng và hoàn thiện cách tiếp cận đối với công tác hòa giải, từ bảo mật thông tin, bảo đảm an toàn cho các bên, nâng cao chất lượng đội ngũ hòa giải viên đến huy động nguồn lực, bảo đảm kinh phí, chuyển đổi số và tăng cường kết nối với các cơ chế giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án. Luật được ban hành là dấu mốc quan trọng trong hoàn thiện thể chế về hòa giải ở cơ sở, tạo cơ sở pháp lý để hoạt động này tiếp tục phát huy vai trò trong giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp từ sớm, từ cơ sở, góp phần củng cố đoàn kết cộng đồng, phòng ngừa vi phạm pháp luật và xây dựng văn hóa thượng tôn pháp luật ngay tại cơ sở./.

MỘT SỐ ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CÔNG CHỨNG

❖ Nguyễn Thái Châu

Ngày 23/4/2026, tại Kỳ họp thứ Nhất, Quốc hội khóa XVI đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng số 04/2026/QH16. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2027, mang lại nhiều thay đổi quan trọng về thẩm quyền quản lý nhà nước ở địa phương, đa dạng hóa loại hình tổ chức hành nghề và đẩy mạnh ứng dụng cơ sở dữ liệu quốc gia trong hoạt động công chứng.



Một trong những điểm nổi bật nhất của Luật là phân cấp mạnh mẽ thẩm quyền quản lý công chứng viên cho địa phương. Theo đó, Chủ tịch UBND cấp tỉnh có thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm và bổ nhiệm lại công chứng viên hành nghề trên địa bàn. Đồng thời, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành Đề án quản lý, phát triển các tổ chức hành nghề công chứng phù hợp với tình hình thực tiễn và xem xét quyết định chuyển giao thẩm quyền chứng thực giao dịch của Chủ tịch UBND cấp xã cho tổ chức hành nghề công chứng tại những địa bàn đã phát triển đủ tổ chức đáp ứng điều kiện.

Về mô hình hoạt động, nhằm tháo gỡ khó khăn trong việc phát triển mạng lưới công chứng, Luật quy định tại các đơn vị hành chính cấp xã có mật độ dân số thấp, cơ sở hạ tầng, dịch vụ chưa phát triển thì được thành lập Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân. UBND cấp tỉnh sẽ quyết định danh mục các đơn vị hành chính cấp xã được phép thành lập Văn phòng công chứng theo

loại hình này tại địa phương.

Một trong những điểm mới về cải cách thể chế trong lĩnh vực công chứng là Luật có những bước đột phá về chuyển đổi số và đơn giản hóa thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Người yêu cầu công chứng có thể nộp 01 bộ hồ sơ trực tuyến, trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.

- Trong trường hợp thông tin giấy tờ đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về các lĩnh vực được công bố, người yêu cầu công chứng không phải cung cấp lại giấy tờ chứa thông tin đó. Công chứng viên sẽ trực tiếp khai thác, sử dụng thông tin từ cơ sở dữ liệu quốc gia và không yêu cầu xuất trình bản chính để đối chiếu.

- Cơ sở dữ liệu công chứng sẽ được quản lý tập trung và phân cấp theo trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp và UBND cấp tỉnh.

Đối với thẩm quyền theo lãnh thổ, công chứng viên chỉ được công chứng giao dịch có đối tượng là bất động sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi tổ chức hành nghề đặt trụ sở, trừ

các trường hợp ngoại lệ như di chúc, từ chối nhận di sản hoặc văn bản ủy quyền. Lộ trình mở rộng thẩm quyền công chứng trên toàn quốc sẽ do Chính phủ quy định sau khi cơ sở dữ liệu công chứng tập trung của Bộ Tư pháp được vận hành. Ngoài ra, Luật cũng hướng dẫn chi tiết thủ tục công chứng hợp đồng ủy quyền trong trường hợp bên ủy quyền và bên được ủy quyền không thể cùng đến một tổ

chức hành nghề công chứng.

Luật số 04/2026/QH16 chính thức có hiệu lực từ ngày 01/01/2027. Các quy định sửa đổi, bổ sung không chỉ tháo gỡ những vướng mắc trong thực tiễn mà còn tạo hành lang pháp lý đồng bộ, thúc đẩy cải cách hành chính, cải cách tư pháp và chuyển đổi số ngành tư pháp, mang lại sự thuận tiện và an toàn pháp lý cao nhất cho người dân và doanh nghiệp./.

NHỮNG NỘI DUNG ĐÁNG CHÚ Ý CỦA THÔNG TƯ SỐ 87/2026/TT-BTC VỀ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

❖ Nguyễn Sỹ Hùng

Ngày 30/6/2026, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 87/2026/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15 và Nghị định số 253/2026/NĐ-CP. Thông tư có hiệu lực từ ngày 01/7/2026, tập trung hướng dẫn một số nội dung quan trọng về xác định người phụ thuộc để tính giảm trừ gia cảnh, hồ sơ chứng minh người phụ thuộc và phương pháp tính thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán phái sinh.

Thứ nhất, mức thu nhập của người phụ thuộc không vượt quá 03 triệu đồng/tháng

Một trong những nội dung đáng chú ý tại Thông tư số 87/2026/TT-BTC là quy định về mức thu nhập làm căn cứ xác định người phụ thuộc để tính giảm trừ gia cảnh. Theo Điều 3 Thông tư, người phụ thuộc được xác định để tính giảm trừ gia cảnh khi có mức thu nhập bình quân tháng trong năm từ tất cả các nguồn thu nhập không vượt quá 03 triệu đồng. Quy định này điều chỉnh mức thu nhập làm căn cứ xác định người phụ thuộc so với quy định trước đây, qua đó phù hợp hơn với điều kiện kinh tế - xã hội và mức thu nhập thực tế hiện nay. Bên cạnh đó, Thông tư quy định người nộp thuế có trách nhiệm tự xác định, kê khai trung thực mức thu nhập của người phụ thuộc và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin đã kê khai. Trường hợp cơ quan

THUẾ TỈNH ĐIỆN BIÊN

THÔNG TƯ SỐ 87/2026/TT-BTC

ĐIỂM MỚI VỀ GIẢM TRỪ GIA CẢNH

Hướng dẫn xác định người phụ thuộc từ ngày 01/7/2026

01

THU NHẬP NGƯỜI PHỤ THUỘC KHÔNG QUÁ

03 TRIỆU ĐỒNG/THÁNG

02

KHAI THÁC DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ

Ưu tiên sử dụng dữ liệu từ:

- Cổng Dịch vụ công Quốc gia
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

03

TRÁCH NHIỆM KÊ KHAI

Người nộp thuế:

- Tự xác định người phụ thuộc
- Kê khai trung thực
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật

Theo dõi thuế tỉnh Điện Biên để cập nhật các chính sách thuế mới nhất

thuế phát hiện việc kê khai không đúng quy định thì người nộp thuế sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và pháp luật có liên quan.

Thứ hai, quy định cụ thể về hồ sơ chứng minh người phụ thuộc

Điều 4 Thông tư số 87/2026/TT-BTC quy định cụ thể hồ sơ chứng minh người phụ thuộc tương ứng với từng nhóm đối tượng, tạo cơ sở để người nộp thuế và tổ chức trả thu nhập thực hiện thống nhất. Đối với con, hồ sơ được quy định theo từng trường hợp như con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng; trường hợp con từ đủ 18 tuổi trở lên bị khuyết tật hoặc mất năng lực hành vi dân sự; trường hợp con đang theo học tại các cơ sở giáo dục. Đối với vợ hoặc chồng, hồ sơ gồm giấy tờ nhân thân và giấy tờ chứng minh quan hệ vợ chồng theo quy định. Đối với cha, mẹ, bao gồm cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng, cha dượng, mẹ kế, hồ sơ cần có giấy tờ nhân thân và giấy tờ chứng minh mối quan hệ. Đối với cá nhân khác không nơi nương tựa mà người nộp thuế trực tiếp nuôi dưỡng, cần có giấy tờ nhân thân, bản kê khai người phải trực tiếp nuôi dưỡng và các giấy tờ chứng minh quan hệ, nghĩa vụ nuôi dưỡng theo quy định. Trường hợp người phụ thuộc là người không có khả năng lao động, hồ sơ còn phải có giấy tờ chứng minh tình trạng không có khả năng lao động theo quy định. Đối với người nước ngoài là cá nhân cư trú tại Việt Nam, trường hợp không có các giấy tờ theo quy định thì được sử dụng tài liệu pháp lý tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp để chứng minh người phụ thuộc.

Thứ ba, ưu tiên khai thác dữ liệu điện tử, giảm hồ sơ giấy

Một nội dung đáng chú ý khác tại Điều 4 là việc tăng cường khai thác, sử dụng dữ liệu điện tử trong xác định người phụ thuộc. Theo đó, cơ quan thuế ưu tiên khai thác thông tin từ Cổng Dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Cơ sở dữ liệu quốc gia và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành do cơ quan nhà nước quản lý, được chia sẻ theo quy định. Người nộp thuế chỉ phải cung cấp hồ sơ, giấy tờ chứng minh bằng bản giấy trong trường hợp cơ quan thuế không thể khai thác, sử dụng được các thông tin, dữ liệu điện tử cần thiết. Quy định này góp phần đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý thuế, hạn chế việc cung cấp lại những thông tin đã có trong các cơ sở dữ

liệu của cơ quan nhà nước, đồng thời tạo thuận lợi hơn cho người nộp thuế trong quá trình thực hiện thủ tục giảm trừ gia cảnh. Các tổ chức, cá nhân trả thu nhập có trách nhiệm lưu giữ đầy đủ hồ sơ chứng minh người phụ thuộc của người lao động để phục vụ công tác quản lý, kiểm tra, thanh tra thuế theo quy định.

Thứ tư, hướng dẫn tính thuế đối với chuyển nhượng chứng khoán phái sinh

Bên cạnh các quy định về giảm trừ gia cảnh, Thông tư số 87/2026/TT-BTC cũng hướng dẫn cụ thể việc tính thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán phái sinh. Theo Điều 5 Thông tư, thuế thu nhập cá nhân đối với chuyển nhượng chứng khoán phái sinh được tính theo từng lần chuyển nhượng với thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng.

Đối với hợp đồng tương lai, giá chuyển nhượng được xác định trên cơ sở giá thanh toán của hợp đồng tại thời điểm tính thuế, hệ số nhân hợp đồng, số lượng hợp đồng và tỷ lệ ký quỹ ban đầu theo quy định. Thuế được xác định tại thời điểm khớp lệnh mua, bán trên hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch chứng khoán hoặc tại thời điểm hợp đồng tương lai đáo hạn theo quy định. Việc quy định cụ thể phương pháp xác định giá chuyển nhượng và thời điểm tính thuế góp phần tạo cơ sở thống nhất cho các tổ chức có liên quan trong việc thực hiện khấu trừ, kê khai và nộp thuế theo quy định.

Thông tư số 87/2026/TT-BTC có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026. Các quy định của Thông tư liên quan đến thu nhập từ kinh doanh, thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú được áp dụng đối với kỳ tính thuế năm 2026 theo quy định. Đồng thời, Thông tư số 87/2026/TT-BTC thay thế Thông tư số 111/2013/TT-BTC và bãi bỏ một số nội dung liên quan tại các thông tư đã được ban hành trước đây.

Việc ban hành Thông tư số 87/2026/TT-BTC góp phần hoàn thiện quy định hướng dẫn Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15, đồng thời cập nhật các quy định về giảm trừ gia cảnh, hồ sơ chứng minh người phụ thuộc và thuế đối với chứng khoán phái sinh phù hợp với yêu cầu quản lý thuế trong giai đoạn mới. Người nộp thuế cần chủ động nghiên cứu, cập nhật các quy định mới để thực hiện đúng chính sách, pháp luật về thuế./.

NGHỊ QUYẾT SỐ 28/2026/QH16 TẠO ĐỘT PHÁ TRONG PHÁT TRIỂN VĂN HÓA VIỆT NAM

❖ Đinh Huê

Văn hóa là hồn cốt của dân tộc, là nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội. Để tạo bước đột phá mạnh mẽ cho văn hóa nước nhà trong giai đoạn mới, ngày 24/4/2026, Quốc hội khóa XVI thông qua Nghị quyết số 28/2026/QH16 về phát triển văn hóa Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01/7/2026. Với 13 điều, Nghị quyết tập trung quy định nhiều cơ chế, chính sách đặc thù, đột phá nhằm huy động nguồn lực, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc, phát triển công nghiệp văn hóa, nguồn nhân lực và hạ tầng văn hóa số, từng bước đưa văn hóa trở thành sức mạnh nội sinh của đất nước.

Nghị quyết đã quy định ngày 24/11 hằng năm là “Ngày Văn hóa Việt Nam”. Theo đó, người lao động được nghỉ làm việc và hưởng nguyên lương; cơ quan có thẩm quyền quyết định việc miễn, giảm phí, lệ phí tham quan tại các cơ sở văn hóa, thể thao công lập. Nghị quyết đồng thời khuyến khích Nhân dân, nhất là thế hệ trẻ, tích cực tham gia các hoạt động văn hóa, qua đó góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc.

Các cơ chế, chính sách được tập trung bảo đảm nguồn lực, mở rộng xã hội hóa đầu tư cho văn hóa, xác định rõ: Nhà nước bảo đảm chi cho văn hóa hằng năm tối thiểu 2% tổng chi ngân sách nhà nước và tăng dần theo yêu cầu phát triển. Cùng với nguồn lực nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, khuyến khích huy động nguồn lực xã hội, thu hút doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, qua đó tạo thêm nguồn lực cho phát triển văn hóa và khắc phục tình trạng đầu tư còn thấp, dàn trải.

Thúc đẩy công nghiệp văn hóa và khơi dậy sức sáng tạo: Một điểm nhấn quan trọng là các cơ chế thu hút đầu tư phát triển công nghiệp văn



Ảnh minh họa: Nghị quyết số 28/2026/QH16 hóa. Nghị quyết quy định việc hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa và tổ hợp sáng tạo văn hóa, tạo không gian liên kết từ nghiên cứu, sáng tạo, sản xuất đến phân phối, thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ văn hóa. Đồng thời, chính sách ưu đãi được dành cho một số lĩnh vực như du lịch văn hóa, điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, mỹ thuật và các sản phẩm văn hóa ứng dụng công nghệ cao.

Đặc biệt, Nghị quyết đã chú trọng bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc: Nghị quyết dành nhiều chính sách cho bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số, nghệ thuật dân gian, nghệ thuật truyền thống, bảo vật quốc gia và cổ vật quý hiếm. Nhà nước bảo đảm nguồn lực để bảo tồn các giá trị văn hóa có nguy cơ mai một; phát triển không gian bảo tồn văn hóa gắn với du lịch và tạo sinh kế bền vững. Đây là chính sách có ý nghĩa thiết thực đối với các địa bàn có đông

(Xem tiếp trang 36)

**ĐIỆN BIÊN TRIỂN KHAI CHỈ THỊ SỐ 07-CT/TW, NGÀY 13/7/2026
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ “ĐẨY MẠNH HỌC TẬP, THỰC HÀNH TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC,
PHƯƠNG PHÁP, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH TRONG GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN MỚI”**

❖ Phòng PBGD&TDTHPL



Ảnh minh họa: Chỉ thị số 07-CT/TW, ngày 13/7/2026 của Bộ Chính trị

Thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW, ngày 13/7/2026 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập, thực hành tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn phát triển mới” (sau đây gọi tắt là Chỉ thị số 07-CT/TW), Ban Thường vụ Tỉnh ủy Điện Biên đã ban hành Kế hoạch triển khai nhằm cụ thể hóa bằng hệ thống nhiệm vụ, chỉ tiêu và giải pháp gắn với thực tiễn địa phương. Trọng tâm là chuyển mạnh từ nhận thức sang hành động, lấy sản phẩm công việc, hiệu quả giải quyết những vấn đề nổi cộm, bức xúc và sự hài lòng của Nhân dân, doanh nghiệp làm những thước đo quan trọng.

Để cụ thể hóa Chỉ thị số 07-CT/TW của Bộ Chính trị, ngày 16/9/2026, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Điện Biên ban hành Kế hoạch số 91-KH/TU thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW, ngày 13/7/2026 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập, thực hành tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn phát triển mới”. Tiếp đó, ngày 22/9/2026, Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 60-KH/ĐU thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW, ngày 13/7/2026 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập, thực hành tư tưởng,

đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn phát triển mới” và Kế hoạch số 91-KH/TU, ngày 16/9/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, với những nội dung đáng chú ý như sau:

Thứ nhất, chuyển mạnh từ nhận thức sang hành động

Theo Kế hoạch số 91-KH/TU, mục tiêu quan trọng là tạo chuyển biến mạnh mẽ, thực chất từ nhận thức sang hành động của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với việc học tập, thực hành tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh; xác định đây là việc làm thường xuyên, tự giác, thiết thực; gắn chặt với thực hiện nhiệm vụ chính trị, trách nhiệm nêu gương, đạo đức công vụ, văn hóa lãnh đạo, văn hóa công vụ, kỷ luật, kỷ cương và tinh thần phục vụ Nhân dân.

Đáng chú ý, hiệu quả triển khai không chỉ được đánh giá thông qua việc xây dựng kế hoạch hay đăng ký nội dung học tập mà phải được thể hiện bằng sản phẩm, chất lượng, hiệu quả công việc, kết quả giải quyết những vấn đề nổi cộm, bức xúc và sự hài lòng của Nhân dân, doanh nghiệp. Việc triển khai Chỉ thị số 07-CT/TW trên địa bàn tỉnh được yêu cầu thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, thường xuyên, liên tục, thực chất, tránh hình thức; đồng thời phải xác định rõ nhiệm vụ, người chủ trì, cơ quan phối hợp, thời gian thực hiện, sản phẩm và trách nhiệm. Vai trò của người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị được đặc biệt đề cao.

Thứ hai, cụ thể hóa bằng những chỉ tiêu rõ ràng

Một trong những điểm nổi bật của Kế hoạch số 91-KH/TU là hệ thống chỉ tiêu cụ

thể, tạo cơ sở kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện. Theo đó, 100% cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị phải tổ chức quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW; đồng thời xây dựng kế hoạch hoặc chương trình hành động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tiễn. Tỉnh cũng yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, bổ sung, xây dựng và tổ chức thực hiện quy định về chuẩn mực đạo đức, văn hóa lãnh đạo, văn hóa công vụ, văn hóa ứng xử; hoàn thành trong quý IV/2026.

Hàng năm, các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị phải lựa chọn những vấn đề nổi cộm, bức xúc, điểm nghẽn, nút thắt thuộc phạm vi, lĩnh vực, địa bàn phụ trách để tập trung giải quyết; trong đó xác định rõ người chịu trách nhiệm, thời gian và kết quả thực hiện.

Mỗi đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy hàng năm phải xây dựng và duy trì ít nhất một mô hình hay, cách làm sáng tạo hoặc một điển hình tiên tiến trong học tập, thực hành theo Bác. Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị phải công khai cam kết cá nhân và tiêu chí nêu gương hàng năm. Kết quả thực hiện cam kết được xem xét trong đánh giá, xếp loại theo quy định.

Bên cạnh đó, 100% cán bộ, đảng viên phải tham gia học tập, quán triệt Chỉ thị số 07-CT/TW; hàng năm đăng ký kế hoạch cá nhân về học tập, thực hành tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh và công khai cam kết, tiêu chí nêu gương cụ thể.

Các cơ quan báo chí, truyền thông và hệ thống thông tin cơ sở được yêu cầu tăng cường tuyên truyền, xây dựng các tin, bài, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự về mô

hình hay, cách làm sáng tạo và những điển hình tiên tiến.

Thứ ba, gắn học tập theo Bác với nhiệm vụ phát triển của tỉnh

Việc thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW tại tỉnh Điện Biên được đặt trong mối quan hệ trực tiếp với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Các cấp, ngành được yêu cầu vận dụng sáng tạo tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh vào thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá; chủ động tháo gỡ những điểm nghẽn, nút thắt trong cơ chế quản lý, thủ tục hành chính, qua đó khơi thông các nguồn lực về đất đai, tài chính, nhân lực phục vụ phát triển. Đồng thời, cần thực hành phương pháp làm việc dân chủ, khoa học, hiệu quả, sâu sát thực tiễn, gần dân, sát dân, vì dân; tôn trọng, lắng nghe và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị chính đáng của người dân và doanh nghiệp.

Đối với cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, trách nhiệm nêu gương được cụ thể hóa thành ba nhóm nội dung cốt lõi gồm: bản lĩnh chính trị, tư duy đổi mới và năng lực tổ chức thực hiện; đạo đức công vụ và kỷ luật thực thi; tinh thần phục vụ Nhân dân. Kết quả thực hiện cam kết nêu gương và sản phẩm công việc thực tế được xác định là căn cứ quan trọng trong đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, đảng viên và trong công tác cán bộ.

Thứ tư, đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới kiểm tra, giám sát

Một nội dung đáng chú ý là yêu cầu ứng dụng công nghệ số, công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo trong quản lý, khai thác, chia sẻ

dữ liệu và học liệu về học tập, thực hành theo Bác. Tài liệu tuyên truyền phải bảo đảm yêu cầu “ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện, dễ kiểm tra, đánh giá”, phù hợp với từng đối tượng, địa bàn, nhất là thanh thiếu niên, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa và khu vực biên giới.

Công tác kiểm tra, giám sát cũng được đổi mới theo hướng chuyển từ kiểm tra việc xây dựng kế hoạch, đăng ký sang đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, hiệu quả giải quyết những vấn đề nổi cộm, mức độ hài lòng của Nhân dân và sự chuyển biến thực tế trong đạo đức công vụ, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên. Tỉnh khuyến khích khai thác hiệu quả các kênh tiếp nhận phản ánh, kiến nghị như Cổng thông tin điện tử, ứng dụng công dân số, đường dây nóng và các hình thức phù hợp khác để tiếp nhận, xử lý thông tin của người dân, doanh nghiệp.

Tại Kế hoạch số 60-KH/ĐU tiếp tục cụ thể hóa việc đưa nội dung Chỉ thị vào hoạt động quản lý nhà nước, cải cách hành chính, đạo đức công vụ, văn hóa công vụ và trách nhiệm phục vụ Nhân dân, doanh nghiệp. UBND tỉnh được giao chỉ đạo rà soát, tháo gỡ các điểm nghẽn, nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, tăng cường công khai, minh bạch và ứng dụng công nghệ số. Với hệ thống mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ cụ thể, việc triển khai Chỉ thị số 07-CT/TW trên địa bàn tỉnh Điện Biên hướng tới tạo chuyển biến rõ nét trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên; đưa việc học tập và làm theo Bác trở thành công việc thường xuyên, gắn với trách nhiệm cá nhân, hiệu quả thực thi công vụ và những kết quả cụ thể trong phục vụ Nhân dân, doanh nghiệp trong thời gian tới./.

Mẫu chuyện hay về Bác: Bài học về sự công bằng BA CHIẾC BA LÔ



Trong những ngày sống ở Việt Bắc, mỗi lần Bác đi công tác, có hai đồng chí đi cùng. Vì sợ Bác mệt, nên hai đồng chí định mang hộ ba lô cho Bác, nhưng Bác nói:

- Đi đường rừng, leo núi ai mà chẳng mệt, tập trung đồ vật cho một người mang đi thì người đó càng chóng mệt. Cứ phân ra mỗi người mang một ít.

Khi mọi thứ đã được phân ra cho vào 3 ba lô rồi, Bác còn hỏi thêm:

- Các chú đã chia đều rồi chứ?

Hai đồng chí trả lời:

- Thừa Bác, rồi ạ.

Ba người lên đường, qua một chặng, mọi người dừng chân, Bác đến chỗ đồng chí bên

cạnh, xách chiếc ba lô lên.

- Tại sao ba lô của chú nặng mà Bác lại nhẹ?

Sau đó, Bác mở cả 3 chiếc ba lô ra xem thì thấy ba lô của Bác nhẹ nhất, chỉ có chần, mản. Bác không đồng ý và nói:

- Chỉ có lao động thật sự mới đem lại hạnh phúc cho con người.

Hai đồng chí kia lại phải san đều các thứ vào 3 chiếc ba lô.

Bài học kinh nghiệm: Thông qua câu chuyện ngắn Ba chiếc ba lô, chúng ta rút ra được bài học là, trong cuộc sống cần phải biết san sẻ cùng nhau những lúc khó khăn, hoạn nạn, đừng dựa vào quyền cao chức rộng mà đàn áp kẻ yếu thế. Sống phải công bằng mới khiến lòng người khâm phục và nể trọng./.

MỘT SỐ Ý KIẾN TRAO ĐỔI TỪ THỰC TIỄN ĐỊA PHƯƠNG ĐỐI VỚI DỰ THẢO LUẬT VỀ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

❖ Tô Hồng

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật có ý nghĩa nền tảng đối với toàn bộ quá trình xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành pháp luật. Mỗi quy định của Luật không chỉ tác động đến cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp ở Trung ương mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động xây dựng và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật tại chính quyền địa phương.

Từ thực tiễn thực hiện pháp luật về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương, một số nội dung trong dự thảo Luật về văn bản quy phạm pháp luật đang được Bộ Tư pháp chủ trì xây dựng cần tiếp tục được nghiên cứu, hoàn thiện để bảo đảm tính rõ ràng, thống nhất và khả thi trong tổ chức thực hiện. Theo đó, trên cơ sở tổng hợp từ thực tiễn, bài viết đưa ra một số ý kiến trao đổi, cụ thể như sau:

Một là, cần tiếp tục hoàn thiện các quy định về giải thích từ ngữ

Điều 3 của dự thảo Luật đã giải thích nhiều thuật ngữ được sử dụng trong Luật. Tuy nhiên, một số khái niệm có ý nghĩa quan trọng đối với quá trình xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật như “biện pháp”, “biện pháp thi hành”, “hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật”, “pháp điển hệ thống văn bản quy phạm pháp luật” chưa được giải thích. Việc chưa làm rõ các thuật ngữ này có thể dẫn đến cách hiểu khác nhau trong quá trình áp dụng, nhất là đối với những nội dung liên quan đến thẩm quyền ban hành văn bản, hình thức xử lý văn bản và hoạt động hệ thống hóa pháp luật. Do đó, có thể cân nhắc bổ sung giải thích các thuật ngữ

nêu trên ngay tại Điều 3 nhằm tạo cơ sở thống nhất cho việc áp dụng các quy định của Luật.

Hai là, thống nhất quy định về thời điểm có hiệu lực của văn bản quy định chi tiết

Khoản 3 Điều 8 dự thảo quy định dự thảo văn bản quy định chi tiết phải được ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm với văn bản hoặc điều, khoản, điểm được quy định chi tiết. Trong khi đó, khoản 3 Điều 51 lại quy định thời điểm có hiệu lực của nội dung được giao quy định chi tiết không được sớm hơn 06 tháng kể từ ngày văn bản giao quy định chi tiết được thông qua hoặc ký ban hành. Hai quy định này đặt ra vấn đề về mối quan hệ giữa nguyên tắc chung và trường hợp ngoại lệ. Trên thực tế, nếu văn bản quy định chi tiết đã được xây dựng, ban hành và đáp ứng điều kiện để có hiệu lực cùng thời điểm thì việc áp dụng quy định về thời điểm tối thiểu 06 tháng có thể gây lúng túng trong xác định thời điểm có hiệu lực. Vì vậy, dự thảo Luật cần làm rõ hơn nguyên tắc và trường hợp ngoại lệ, đồng thời xác định rõ mối quan hệ giữa hai quy định này để tránh cách hiểu khác nhau khi tổ chức thực hiện.

Ba là, cần bảo đảm bao quát trường hợp một văn bản đồng thời xử lý nhiều văn bản khác

Điểm d khoản 6 Điều 9 dự thảo quy định về trường hợp sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

Từ thực tiễn rà soát văn bản, một vấn đề thường gặp là qua rà soát phát hiện nhiều quy

định mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không còn phù hợp và cần được xử lý đồng thời. Trong trường hợp này, một văn bản có thể được sử dụng để đồng thời sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ nội dung của nhiều văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan, người có thẩm quyền ban hành.

Do đó, quy định tại điểm d khoản 6 Điều 9 cần được thể hiện theo hướng bao quát hơn, tập trung vào mục tiêu “xử lý kịp thời, đồng bộ các quy định mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp được phát hiện qua rà soát văn bản quy phạm pháp luật”. Cách tiếp cận này phù hợp hơn với yêu cầu xử lý văn bản sau rà soát, đồng thời tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho việc xử lý đồng bộ nhiều văn bản do cùng một cơ quan ban hành.

Bốn là, quy định về gửi, lưu trữ văn bản quy phạm pháp luật cần thống nhất

Tên Điều 10 là “Gửi, lưu trữ văn bản quy phạm pháp luật”, tuy nhiên nội dung chủ yếu tập trung vào việc đăng tải văn bản quy phạm pháp luật. Bên cạnh đó, khoản 1 Điều 10 quy định trách nhiệm gửi văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan, người có thẩm quyền ở Trung ương ban hành để đăng tải trên Công báo điện tử và Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, trong khi khoản 3 mới chỉ quy định việc đăng tải văn bản ở Trung ương trên Công báo điện tử. Sự chưa thống nhất này cần được xử lý, nhất là khi khoản 3 Điều 66 của dự thảo Luật cũng có quy định liên quan đến Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

Năm là, cần xác định rõ phạm vi nội dung được quy định bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương

Điều 18 dự thảo quy định về văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương cấp tỉnh. Đây là quy định có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định phạm vi lập quy của chính quyền địa phương.

Tại điểm b khoản 1, nếu chỉ quy định HĐND cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định “biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương” thì có thể chưa thể hiện đầy đủ phạm vi nội dung mà chính quyền địa phương có thể quy định. Có thể cân nhắc bổ sung từ “chính sách” trước “biện pháp”.

Điểm b khoản 3 quy định Chủ tịch UBND cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định “vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh”. Nếu không được giới hạn về phạm vi, quy định này có thể dẫn đến cách hiểu rằng mọi vấn đề thuộc thẩm quyền quản lý, điều hành của Chủ tịch UBND cấp tỉnh đều có thể được quy định bằng văn bản quy phạm pháp luật. Do đó, cần tiếp tục nghiên cứu, xác định rõ phạm vi các vấn đề thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh có thể được quy định bằng văn bản quy phạm pháp luật.

Sáu là, cần tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của cấp xã

Đây là vấn đề có ý nghĩa thực tiễn rất rõ trong bối cảnh nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền cấp xã ngày càng được phân định, mở rộng. Tại Điều 19 dự thảo, điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 mới đặt trọng tâm vào các nội dung “được luật, pháp lệnh giao”. Tuy nhiên, trên thực tế, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền cấp xã không chỉ được giao trong luật, pháp lệnh mà còn được giao trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp trên. Nếu quy định như dự thảo sẽ phát sinh vướng mắc trong việc xác định cơ sở để HĐND, UBND cấp xã ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Vì vậy, có thể nghiên cứu quy định theo hướng: “Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp trên” để

bảo đảm đầy đủ cơ sở pháp lý cho việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật của cấp xã.

Bảy là, trình tự, thủ tục rút gọn không nên đồng nghĩa với việc loại bỏ các yêu cầu cơ bản về công khai, minh bạch

Trình tự, thủ tục rút gọn được đặt ra nhằm đáp ứng yêu cầu ban hành văn bản trong thời gian ngắn khi có tình huống cấp thiết hoặc cần xử lý kịp thời vấn đề phát sinh. Tuy nhiên, “rút gọn” về thời gian và thủ tục không nhất thiết đồng nghĩa với việc loại bỏ các yêu cầu cơ bản của quá trình xây dựng pháp luật.

Tại điểm b khoản 4 Điều 49, nếu quy định theo hướng “có thể đăng tải dự thảo”, “có thể lấy ý kiến” thì trong một số trường hợp có thể dẫn đến việc bỏ qua hoạt động tham gia góp ý của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp. Theo đó, nên tiếp cận theo hướng vẫn thực hiện việc lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự tác động trực tiếp hoặc cơ quan, tổ chức có liên quan, nhưng rút ngắn tối đa thời gian và phương thức lấy ý kiến. Cách tiếp cận này vừa bảo đảm yêu cầu xử lý nhanh, vừa duy trì những nguyên tắc cơ bản về công khai, minh bạch và sự tham gia của các chủ thể chịu tác động của chính sách.

Bên cạnh đó, điểm c khoản 4 Điều 49 cũng cần bổ sung quy định về lệnh của Chủ tịch nước nhằm bảo đảm đầy đủ, thống nhất về trình tự, thủ tục rút gọn đối với các loại văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch nước.

Tám là, cần rà soát đầy đủ các chủ thể có thẩm quyền quy định hiệu lực trở về trước

Khoản 1 Điều 53 quy định về thẩm quyền quy định hiệu lực trở về trước của văn bản quy phạm pháp luật.

Trong quá trình hoàn thiện quy định này, cần rà soát đầy đủ các loại văn bản quy phạm pháp luật được ban hành bởi cơ quan và người

có thẩm quyền ở Trung ương, tránh việc chỉ xác định theo chủ thể là “cơ quan” mà bỏ sót các trường hợp văn bản do “người có thẩm quyền” ban hành.

Theo đó, dự thảo cần bổ sung các loại văn bản quy phạm pháp luật do “người có thẩm quyền ở Trung ương ban hành” để xác định đầy đủ các trường hợp cần thiết được quy định hiệu lực trở về trước theo thẩm quyền ban hành văn bản.

Chín là, cần lựa chọn phương án rõ ràng đối với văn bản quy định chi tiết hết hiệu lực

Đối với điểm c khoản 1 Điều 55 về văn bản quy định chi tiết hết hiệu lực, Phương án 2 “Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần do có văn bản quy phạm pháp luật khác thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì một phần hoặc toàn bộ văn bản quy định chi tiết văn bản đó hết hiệu lực, trừ trường hợp được công bố tiếp tục có hiệu lực toàn bộ hoặc một phần. Văn bản công bố là văn bản hành chính phải được đăng tải trên công báo điện tử, cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.” có ưu điểm hơn ở chỗ xác định cụ thể, rõ ràng hơn trường hợp văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực.

Đối với quy định liên quan đến hiệu lực của văn bản, sự rõ ràng là đặc biệt cần thiết bởi đây là cơ sở trực tiếp để xác định văn bản nào còn được áp dụng, văn bản nào đã hết hiệu lực và thời điểm chuyển tiếp giữa các quy định pháp luật.

Mười là, quy định về áp dụng văn bản quy phạm pháp luật cần bảo đảm tính thống nhất trong cùng một điều luật

Khoản 4 Điều 56 đưa ra hai phương án về áp dụng văn bản quy phạm pháp luật. Qua đối chiếu với các quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 của Điều này, Phương án 1 “Trường hợp các quy phạm pháp luật

có cùng hiệu lực pháp lý quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định pháp luật chuyên ngành. Quy định pháp luật chuyên ngành chỉ được áp dụng trong phạm vi lĩnh vực hoặc nhóm quan hệ xã hội mà quy định đó trực tiếp điều chỉnh.” có tính thống nhất hơn với các quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này.

Mười một là, tổ chức thi hành pháp luật cần gắn với theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật

Khoản 1 Điều 57 nên bổ sung “theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật” là một nội dung của tổ chức thi hành pháp luật để phù hợp với thực tiễn nhằm đánh giá tình hình thực hiện và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật. Theo đó, tại điểm b khoản 2, bổ quy định trách nhiệm “theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật” của các cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền.

Mười hai là, cần xác định thời điểm xây dựng văn bản hợp nhất trong quy trình xây dựng pháp luật

Điều 63 quy định về hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, để thuận lợi cho việc triển khai trên thực tế, cần làm rõ văn bản hợp nhất được xây dựng ở giai đoạn nào trong quá trình sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật.

Đây là vấn đề mang tính kỹ thuật nhưng lại có ý nghĩa thực tiễn. Việc xác định rõ thời điểm xây dựng văn bản hợp nhất sẽ giúp cơ quan chủ trì soạn thảo chủ động chuẩn bị, kiểm tra và hoàn thiện văn bản, đồng thời hạn chế tình trạng mỗi cơ quan thực hiện theo một cách khác nhau.

Mười ba là, đánh giá hiệu quả văn bản quy phạm pháp luật cần bảo đảm tính thực chất

Điều 65 quy định về đánh giá hiệu quả văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có yêu

cầu đánh giá hằng năm đối với các văn bản thuộc phạm vi quy định.

Việc đánh giá hiệu quả văn bản là cần thiết để kiểm chứng chất lượng của chính sách sau khi được ban hành. Tuy nhiên, nếu thực hiện đánh giá hằng năm đối với phạm vi văn bản quá rộng, đặc biệt ở chính quyền địa phương, có thể tạo ra khối lượng công việc rất lớn nhưng chưa chắc bảo đảm chất lượng và tính thực chất của kết quả đánh giá.

Từ thực tiễn địa phương, có thể cân nhắc chuyển từ cách tiếp cận đánh giá hằng năm đối với tất cả các văn bản sang đánh giá định kỳ hoặc đánh giá theo yêu cầu, tập trung vào những văn bản có tác động lớn, chính sách quan trọng hoặc những văn bản phát sinh vấn đề, vướng mắc trong quá trình thi hành.

Cách tiếp cận này vừa bảo đảm mục tiêu kiểm chứng hiệu quả của pháp luật, vừa giúp nguồn lực dành cho công tác đánh giá được tập trung vào những chính sách, quy định thực sự cần thiết.

Có thể nói, hoàn thiện pháp luật về xây dựng và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật không chỉ là yêu cầu về kỹ thuật lập pháp mà còn trực tiếp quyết định chất lượng, tính khả thi và hiệu quả của hệ thống pháp luật trong thực tiễn. Những vấn đề nêu trên xuất phát chủ yếu từ yêu cầu làm rõ phạm vi điều chỉnh, thống nhất giữa các quy định, tránh cách hiểu mờ rộng về thẩm quyền, đồng thời bảo đảm tính khả thi khi triển khai tại địa phương.

Từ góc độ thực tiễn, việc tiếp tục hoàn thiện các nội dung này sẽ góp phần để Luật về văn bản quy phạm pháp luật sau khi được ban hành thực sự trở thành cơ sở pháp lý thống nhất cho hoạt động xây dựng, ban hành, kiểm tra, rà soát và tổ chức thi hành pháp luật; đồng thời nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý nhà nước trong giai đoạn mới./.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC BẢO VỆ QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA TRẺ EM THÔNG QUA CÁC HOẠT ĐỘNG KIỂM SÁT TẠI VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐIỆN BIÊN

“Non sông Việt Nam có trở nên vẻ vang hay không, dân tộc Việt Nam có được vẻ vang sánh vai với các cường quốc năm châu hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các cháu” - lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn là kim chỉ nam trong công tác chăm lo, bảo vệ thế hệ măng non. Bảo vệ và chăm sóc trẻ em không chỉ là trách nhiệm của gia đình hay nhà trường, mà là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, trong đó có Viện kiểm sát nhân dân.

Ngay từ khi Nghị quyết số 205/2025/QH15 của Quốc hội: Về việc thí điểm Viện kiểm sát nhân dân khởi kiện vụ án dân sự để bảo vệ quyền dân sự của các chủ thể là nhóm dễ bị tổn thương hoặc bảo vệ lợi ích công đi vào cuộc sống, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 đã chủ động tiếp cận, phát hiện những vấn đề liên quan đến quyền của nhóm yếu thế qua nhiều kênh, từ nhà trường, công tác khám sức khỏe cho trẻ sơ sinh đến kiến nghị, phản ánh trực tiếp của người dân. Chỉ trong 06 tháng đầu năm 2026, đơn vị đã phát hiện 07 trẻ em chưa được đăng ký khai sinh, trong đó có trường hợp đã đến tuổi đi học nhưng vẫn chưa có giấy khai sinh, một thực tế tưởng như rất đơn giản nhưng lại ảnh hưởng trực tiếp đến quyền học tập và khả năng tiếp cận các chính sách an sinh của trẻ. Đằng sau mỗi hồ sơ được giải quyết không chỉ là một thủ tục hành chính được hoàn tất, mà là bảo đảm quyền nhân thân cơ bản nhất của trẻ em, xác lập đầy đủ tư cách pháp lý theo Luật Trẻ em và pháp luật về hộ

❖ Nguyễn Tiến Đỗ - Kháng A Chu,
KSND khu vực 4 - Điện Biên

tịch. Nhìn niềm vui của những người cha, người mẹ khi bế con trên tay và đón nhận giấy khai sinh cho con, cán bộ Kiểm sát chúng tôi cũng có một niềm vui rất riêng - niềm vui khi biết rằng một quyền cơ bản của trẻ em đã được bảo vệ, một cánh cửa đến trường đã được mở ra, để các em có cơ hội được học tập, được hòa nhập và có một tương lai tốt đẹp hơn. Với chúng tôi, những khoảnh khắc ấy không chỉ là niềm vui của việc hoàn thành một nhiệm vụ, mà còn là sự nhắc nhở rằng phía sau mỗi hồ sơ, mỗi công việc của người cán bộ Kiểm sát là một số phận, một cuộc đời cần được bảo vệ. Và có lẽ, đó chính là ý nghĩa sâu sắc nhất của công việc mà chúng tôi đang làm.



VKSND khu vực 4 phối hợp với chính quyền địa phương trao Giấy khai sinh cho các gia đình có trẻ em chưa đăng ký khai sinh tại xã Mường Pồn



Toàn cảnh phiên tòa giả định vào ngày 05/5/2026 tại Trường PTDT Nội trú - THPT Na Sang

Cùng với công tác kiểm sát chuyên môn, đơn vị đặc biệt chú trọng đổi mới phương thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp với lứa tuổi thanh thiếu nhi. Một trong những hoạt động để lại nhiều kỷ niệm là phiên tòa giả định tuyên truyền về phòng, chống xâm hại trẻ em tại Trường PTDT Nội trú - THPT Na Sang. Đằng sau một phiên tòa giả định là những câu chuyện không hề giả định. Đó là những vụ án về xâm hại tình dục, giao cấu với người dưới 16 tuổi mà cán bộ Kiểm sát từng trực tiếp giải quyết. Từ những vụ án ấy, chúng tôi xây dựng kịch bản, chuyển hóa các tình huống pháp lý thành những câu chuyện phù hợp với lứa tuổi học sinh. Ban ngày làm công việc chuyên môn, sau giờ làm, chúng tôi lại cùng thầy cô, cùng các em tập luyện. Các tình huống pháp lý giả định được xây dựng sát thực

tế, kết hợp linh hoạt giữa phổ biến quy định pháp luật với trang bị kỹ năng nhận diện nguy cơ và tự bảo vệ trước hành vi xâm hại. Xen giữa những tình huống pháp lý là kiến thức về giới tính, kỹ năng nhận diện nguy cơ, kỹ năng tự bảo vệ và cách tìm kiếm sự giúp đỡ khi cần thiết. Đơn vị đã ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng các video đồ họa sinh động, trực quan để những quy định pháp luật vốn khô khan trở nên gần gũi, dễ hiểu và dễ nhớ hơn. Điều

chúng tôi mong muốn không phải là các em nhớ được bao nhiêu điều luật, mà là sau buổi tuyên truyền, mỗi em biết thêm một cách để tự bảo vệ mình, biết nói “không” trước nguy cơ bị xâm hại và biết tìm đến người lớn, thầy cô hoặc cơ quan có trách nhiệm khi cần thiết. Với chúng tôi, đó mới là ý nghĩa thiết thực nhất của một phiên tòa giả định.



Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Mường Pồn, Đoàn Biên phòng Mường Pồn và Công an xã Mường Pồn tổ chức buổi tuyên truyền về phòng, chống mua bán người tại bản Huổi Ho, xã Mường Pồn

Trong 06 tháng đầu năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Điện Biên đã 03 lần trực tiếp tuyên truyền pháp luật tại cơ sở, tập trung vào những vấn đề gắn với đời sống người dân như phòng, chống bạo lực gia đình, phòng, chống mua bán người, phòng, chống xâm hại phụ nữ và trẻ em, phòng ngừa tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến trẻ em. Tại các địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đơn vị chủ động phân công cán bộ, Kiểm sát viên là người bản địa, thành thạo tiếng dân tộc trực tiếp tham gia tuyên truyền, giải thích pháp luật. Nội dung tuyên truyền bắt đầu từ những câu chuyện rất gần với cuộc sống: một vụ bạo lực gia đình, nguy cơ mua bán người, kỹ năng phòng ngừa xâm hại trẻ em và tuyên truyền, vận động bài trừ hủ tục, ngăn chặn các vụ việc thương tâm do ngộ độc lá ngón.

Công tác thiện nguyện cũng được đơn vị hướng đến những nơi cần sự quan tâm thiết thực nhất. Trong 06 tháng đầu năm 2026, bên cạnh tham gia hiến máu tình nguyện và thăm hỏi, trao quà cho 05 hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, cán bộ, công chức Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 còn phối hợp thăm hỏi, trao tặng quà cho 03 trường học trên địa bàn, với tổng giá trị gần 20 triệu đồng, nơi còn không ít học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Với những em nhỏ ở vùng cao, một món quà, một bộ đồ dùng học tập hay sự động viên đúng lúc đôi khi không chỉ mang giá trị vật chất mà còn là động lực để các em tiếp tục đến



Đồng chí Phạm Khá (giữa) cùng đại diện Báo VietNamNet và các nhà hảo tâm trao tặng trang thiết bị phục vụ học tập tại điểm trường Huổi Lóng A (Trường Mầm non số 1 Na Sang), xã Na Sang, Điện Biên

trường. Chúng tôi hiểu rằng những phần quà ấy không thể giải quyết hết khó khăn của một gia đình hay thay đổi hoàn cảnh của một đứa trẻ, nhưng sự quan tâm được trao đi đúng lúc có thể tạo nên một điều rất khác: để các em biết rằng mình được quan tâm, được khích lệ và có thêm niềm tin vào những điều tốt đẹp phía trước. Bởi bảo vệ trẻ em không chỉ là bảo vệ các em trước những hành vi xâm hại bằng pháp luật, mà còn là góp phần tạo dựng một môi trường để các em được học tập, được yêu thương và có cơ hội phát triển.

Mỗi việc làm có thể nhỏ, nhưng khi hướng đến một đứa trẻ cụ thể, một gia đình cụ thể, giá trị của nó lại trở nên rất lớn. Bởi phía sau mỗi quyền được bảo đảm là một cơ hội được học tập, được trưởng thành; phía sau mỗi nguy cơ được phòng ngừa là một tuổi thơ được bình yên. Và có lẽ, đó cũng là cách thiết thực nhất để chúng tôi đưa chức năng, nhiệm vụ của người cán bộ Kiểm sát vào cuộc sống bằng những việc làm cụ thể, bình dị nhưng thiết thực và hiệu quả./.

Pháp luật về với bản làng

❖ Nguyễn Hòa



Điện Biên sáng giữa mây ngàn
Pháp luật soi bước bản làng bình yên
Sống theo pháp luật tôn nghiêm
Nhà nhà no ấm, nối liền yêu thương

Đường đi giữ đúng kỷ cương
Không nhanh, không ẩu, chẳng vương lỗi lầm
Rượu bia xin chớ sai, nhằm
Lái xe tỉnh táo, an tâm mọi nhà
Đất đai, rừng núi quê ta
Giữ gìn đúng luật mới là bền lâu
Không nghe kẻ xấu rủ nhau
Mua gian, bán lận, chuốc sầu về sau
Gia đình hạnh phúc bền lâu
Không còn bạo lực, nỗi đau cửa nhà
Trẻ em được học gần xa
Người già được kính, chan hòa nghĩa nhân
Mỗi người một tấm lòng dân
Hiểu luật, trọng luật, góp phần dựng xây
Bản làng đổi mới từng ngày
Điện Biên đoàn kết, đắp xây đẹp giàu
Pháp luật là nhịp cầu sâu
Nối tình dân tộc, bền lâu nghĩa đời
Cùng nhau ghi nhớ một lời
Sống và làm việc theo điều pháp quy.

NGHỊ QUYẾT SỐ 28/2026/QH16...

(Xem tiếp trang 24)

đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, trong đó có tỉnh Điện Biên.

Đầu tư cho con người, phát triển tài năng và nhân lực văn hóa: Cùng với bảo tồn di sản, Nghị quyết quan tâm phát triển nguồn nhân lực và trọng dụng tài năng trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao. Người hoạt động đặc thù trong các đơn vị nghệ thuật được hưởng chính sách phụ cấp ưu đãi nghề, chế độ bồi dưỡng luyện tập, biểu diễn; trong đó có mức ưu đãi cao hơn đối với một số loại hình nghệ thuật truyền thống và người làm việc tại vùng biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Đẩy mạnh chuyển đổi số, đưa văn hóa đến gần hơn với người dân: Nghị quyết xác định chuyển đổi số là một hướng quan trọng trong phát triển văn hóa. Nhà nước ưu tiên xây dựng cơ sở dữ

liệu quốc gia về văn hóa, hạ tầng và nền tảng số dùng chung; hỗ trợ số hóa di sản văn hóa; khuyến khích phát triển sản phẩm, dịch vụ văn hóa số và ứng dụng công nghệ tiên tiến. Đồng thời, thí điểm các mô hình như bảo tàng mở, nhà hát di động, thư viện số và trung tâm đổi mới sáng tạo văn hóa, góp phần mở rộng khả năng tiếp cận, thụ hưởng văn hóa của Nhân dân.

Với những cơ chế, chính sách có tính đặc thù và đột phá, Nghị quyết số 28/2026/QH16 tạo cơ sở pháp lý quan trọng để huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, khơi dậy sức sáng tạo, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, đồng thời gắn phát triển văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội. Việc triển khai hiệu quả Nghị quyết sẽ góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh, giàu bản sắc, nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân và phát huy văn hóa trở thành sức mạnh nội sinh của dân tộc trong thời kỳ mới./.